

Wason
DL H380
A1
K45H

tuần báo văn học nghệ thuật • số 14, thứ năm 31-7-69 • giá 15 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

NGUYỄN
SY TÊ

phiêu du trong mái mái

KHỞI HÀNH giả định một phiêu du. Có những phiêu du tính toán trước, có những phiêu du quyết định bất thần, và cũng có những phiêu du miễn cưỡng. Nhân loại mãi mãi hiển dăng quang cảnh của một bầu trời hỗn nhiên với số mạng và cuộc vui của chúng. Sự tính toán cũng chẳng đi xa hơn một đoạn đường so với không gian biến dịch và thời gian miễn viễn. Danh từ «phiêu du» bao giờ cũng có một ý nghĩa quyến rũ đối với mọi người. Giờ phút khởi hành luôn luôn là giờ phút giao động tâm lý. Một hình ảnh đợi chờ, một vật dụng bỏ quên đều là những biến cố cho người ra đi.

Có người khổ sở tận cùng khi bỏ lỡ một phiêu du, nhưng cũng có người tìm ngay được an ủi sau vài phút suy tư. Không, chúng ta không có một lý do nào để suy bì hơn thiệt, thấp cao với tha nhân.

TÔI đang trên con đường đi tới nguyệt cầu. Tôi là một trong những người đầu tiên, người ta bảo thế. Tôi kiêu hãnh lắm mặc dầu tôi đã được giáo dục từ đường đi nước bước và chẳng còn bỏ ngỡ nhiều về nơi tôi sẽ đến.

Tôi cúi chào vong linh những người trước tôi đã thất bại và cho cuộc du hành của tôi đã hy sinh. Một thoáng buồn đến với tôi. Tôi buồn thêm khi nghĩ rằng tôi chỉ là kẻ thừa hành một công cuộc xếp đặt tỉ mỉ không thể nào hơn được. Nếu tôi có khoa học và kỹ thuật trong tay, tôi sẽ lái con thuyền không gian của tôi tới một tinh cầu khác. Mặt trăng phải được nhìn theo một lối khác với lối nhìn tôi đang thực hiện.

Tôi là kẻ khởi hành miễn cưỡng một nửa. Tôi biết tôi sắp đem lòng kiêu hãnh của tôi để phản bội lại những ấp ủ cao xa hơn của chính tôi, những hoài bão chính đáng hơn của kẻ khác. Dầu sao cuộc du hành của tôi cũng còn đỡ tốn kém đối với con người hơn là, hơn là những phiêu lưu chính trị của nhân loại.

Nếu tôi chết? Nếu tôi không trở về? — Thì lại thêm một khởi hành khác! Hơn một lý do khiến tôi chối từ nghĩ đến điều đó. Một trong những lý do đó là: tên tuổi vào thu của đời tôi, âm vang tôi lối nhân quần còn chưa tắt, tôi muốn cuộc khởi hành này phải là khởi hành chót.

CHÚNG TA mãi mãi là kẻ phiêu du. Trong một khu rừng giới hạn. Chúng ta chỉ là những người tạo ra dư kiện mà chẳng làm ra giải pháp. Thân phận chúng ta!

16-7-69



doãn
quốc sỹ

biển khảo

võ

lan hân

truyện ngắn

TU KÊU



THÂN THỂ?

Bạn hỏi làm chi thân thể ta
Lỡ làng từ thuở mới sinh ra!
Lao đầu vương nghiệp vẫn chương cớ
Thoảng mắt ba mươi, thấy sắp già!

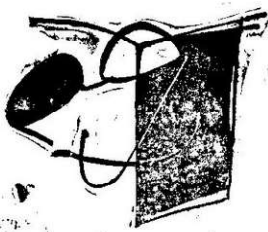
Ba mươi tuổi lẽ có còn xuân?
Vỡ nát trên đường chuỗi mộng xanh
Vài bận thất tình tìm hóa đá
Xác như gỗ mục, hồn như tranh!

Hồn tình như tranh, chẳng đời mòn
Không còn xác động trước thương đăm
Chân xiêu bước lạc, mà phương hướng
Ai hiểu lòng ta mấy vực sâu?

Đã mất nghìn năm những ý thơ
Những mùa xuân biếc rụng bao giờ
Mây vương đầu tóc thu vàng hé
Thu đã giăng đầy sợi xám tơ.

Bóng lẻ, còn đi những dặm dài
Chân còn sẽ bước quãng đường gai
Mắt nhìn hồ hững hoàng hôn lạnh
Đã ngại trông chờ những sớm mai.

Ta biết từ lâu: đi, quán trọ
Cầm thuyền nghỉ tạm đợi qua đêm
Nê chỉ áo bạc sầu sương gió
Thời đã một say cút chén mềm!



Ký giả LÔ RĂNG

NGƯỜI VÀ VẬT

XEM PHIM THƯƠNG HẬN

Khi những giòng này đến tay bạn đọc thì cuốn phim *Thương Hận* đã được chiếu ở một rạp lớn ở Thủ Đức rồi. Sáng tác của đạo diễn Tôn thất Cảnh được đem ra khai thác thương mại để giúp cho quỹ hội « Phế binh VN ». Đây đúng là trường hợp « một công đôi việc »—Vừa giới thiệu tới quảng đại quần chúng một cuốn phim vừa mới ra lò, vừa đóng góp thiết thực hay nói một cách khác, vừa trả ơn thiết thực những chiến binh đã mất một cánh tay, một cái chân, 1 con mắt hay oái kìa một nửa thân hình trong cuộc chiến... Chỉ riêng với điều kiện này, phim *Thương Hận* cũng đáng được đi xem. Tiền thù được trong việc khai thác này sẽ dùng để thiết lập một làng phế binh do hội phế binh tự quản trị. Xin hãy đi xem *Thương Hận* đông đảo để cho bớt đi cảnh chàng về nay đã cụt chân—tiền cấp dưỡng của chàng từ 500 đến 700 đồng 1 tháng vợ chàng phải đi làm điếm nuôi chồng, con chàng phải đi đánh giày hay đi giặt giũ để lấy tiền « ăn học »... (Một dịp khác, tôi xin phụ đề ký cang về đời sống thê thảm của phần đông các anh em phế binh hiện nay.)

Ngoài tình cách « từ thiện », phim *Thương Hận* là một phim vững vàng, xem được. Xuất xứ của nó thuộc Trung Tâm Điện Ảnh, nên tự thân nó phải mang một thông điệp tuyên truyền. Hân là như thế, nhưng đề tài tuyên truyền ở đây thấm thía và có bề sâu. Nó khiến người xem xúc động và suy nghĩ. Lời kêu gọi Chiêu Hồi không phải chỉ hô hào bằng lời nói bay đi, bằng truyền đơn phủ dụ, mà nó được thể hiện bằng máu của người chiến sĩ trực tiếp truyền sang một nữ cán bộ đặc công Việt cộng bị trọng thương. Biên giới của thù hận, của chủ nghĩa được xóa đi. Trước sự đau đớn và trước cái chết chỉ có con người cúi xuống một đồng loại. Ý rất tốt và cuốn phim xoay quanh chủ đề đó. Trong générique, thấy có ghi là cốt chuyện của Nguyễn ngọc Hạnh — nhưng tôi nhớ là đã xem một chuyện ngắn gần giống như thế. Đó là chuyện « Vay bằng máu — trả bằng đời » của nhà văn Nguyễn mạnh Côn. Cũng chuyện một nữ cán bộ được đồng chí chính trị động viên tinh thần nên hăng hái xung phong hàng đầu—cũng bị thương nặng và bị bỏ lại trên chiến trường—cũng thiếu loại máu O để cấp cứu cho nàng —và cũng có một chiến sĩ sẵn sàng cho máu. Khác nhau là ở trong *Thương Hận* 1 binh nhì nhẩy dù (Quang) cho máu — còn trong truyện của Nguyễn mạnh Côn là một anh lính Lê Dương. Khác nhau là binh nhì Quang sau đó chết trên chiến trường, còn người nữ cán bộ của Nguyễn mạnh Côn thì đem cả một đời ra trả nợ cho người lính ngoại quốc. Chuyện này, Nguyễn mạnh Côn đã cho đăng trên *Chỉ Đạo* hơn 10 năm nay, bây giờ có sự trùng hợp hầy, tôi không hiểu là vô tình hay cố ý—và Nguyễn ngọc Hạnh có thực sự là cha đẻ ra ý phim này không ?

Đạo diễn phim *Thương Hận* là Tôn thất Cảnh có biệt hiệu là « con trâu già ». Không hiểu ai đặt cho ông cái biệt hiệu này—Riêng tôi, sau khi xem phim tôi không lấy gì làm đồng ý.—Con trâu thuộc loài nhai lại—cái nhai lại nhai lại càng nhiều. Ở đây, tôi thấy Tôn thất Cảnh đầu có già bao nhiêu ? mà cũng không thấy ông nhai lại. Có thể nói là đạo diễn có nhiều phát kiến tốt.

Cảnh tương phản giữa đêm đen và ánh sáng nóng bỏng của đèn pha — cảnh hòn sỏi rơi bên cái yên lặng nghệt thờ — cảnh sinh hoạt trong một góc đồn đều là những cảnh được thấu dưới kheo nhìn của một đạo diễn tinh tế và vững chắc. Cuốn phim gây được không khí và gói tròn trong ý chính của phim. Tuy nhiên phải thành thực mà nhận rằng càng về cuối phim càng nhạt, đạo diễn không cầm giữ được người xem. Có nhiều đoạn giải thích lái nhai vô ích — Và khuyết điểm lớn nhất của *Thương Hận*, theo tôi là đối thoại. Đối thoại viết lam nham, ờ ờ bầy và mang nặng giọng thông cáo vô tuyến truyền hình ? Cũng phải nói đến những khiếm khuyết sờ sờ được trên phương diện quân sự. Ông cố vấn quân sự của phim này phải cho đi thụ huấn lại ở Trung Tâm Huấn luyện Quang Trung.

Về phương diện diễn xuất tôi phải vui mừng mà nói rằng Càng ta có khá nhiều diễn viên tốt.—Ngoài những tên tuổi đã có sẵn như Lê Quỳnh, Đoàn châu Mậu, Kiều Chinh, Thẩm Thúy Hằng, hôm nay chúng ta có thêm Kim Vui, Tâm Phan. Kim Vui đã thủ diễn rất tận tình và Tâm Phan là một nam diễn viên chói sáng nhất trong *Thương Hận*. Mỗi khi Tâm Phan xuất hiện, các bộ mặt khác đều mờ đi. Đó là một mẫu tài-từ-xấu-trai-hiếm-có, một loại Ernest Borgnine Việt Nam...

■ LÊ HÀ NAM



BAN GIÁM KHẢO
G.T.V.C.T.Q.

HỢP BUỔI ĐẦU TIÊN

Chiều ngày 15/7, vừa qua, ban giám khảo Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc đã họp buổi đầu tiên tại Nha báo chí Phủ Tổng Thống để ấn định những thủ tục cần thiết liên quan đến giải thưởng trên.

Theo chỗ chúng tôi được biết thì ban giám khảo đã đề nghị cải danh Giải thưởng Văn chương Toàn quốc bằng một tên chỉ nào khác.

Ngoài ra, một số quý vị giám khảo đã đề nghị mỗi bộ môn sẽ có ba giải thưởng.

Giải nhất : 200.000đ

Giải nhì : 100.000đ

Giải ba : 50.000đ

Tưởng cũng nên nói thêm là trong thành phần giám khảo của các bộ môn, chúng tôi thấy có những nhà văn đầy đủ uy tín sau đây :

Bộ môn văn : Gồm 4 nhà văn : Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyễn mạnh Côn, Bình nguyên Lộc. Thơ có các thi sĩ Vũ Hoàng Chương, Thanh tâm Tuyền. Kịch có kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, Vi Huyền Đắc. Nhạc có nhạc sĩ Anh Việt Trần văn Trọng.

Riêng bộ môn biên khảo, hai tác giả sau đây đã từ chối lời mời tham dự ban giám khảo đó là giáo sư Nguyễn văn Trung và học giả Nguyễn Hiến Lê.

BÍ MẬT

Một nhà xuất bản mới đang ráo riết chuẩn bị cho lên khuôn cuốn sách mở tay : một tập tùy bút của nhà văn Mai Thảo. Những cuốn tiếp theo sẽ là một Tập Tuyền Truyện Tinh của 9 nhà văn hiện đại, một truyện dài của Thanh Tâm Tuyền, truyện *Giờ ra chơi* của Nguyễn đình Toàn, *Xấp Bống* của Du Tử Lê, *Cuối trời Hòn mề* của Viên Linh, *Chiến Bại* của Nguyễn Thiệp...

Được hỏi về tên của nhà xuất bản nhà văn Du Tử Lê và Đào quý Châu nhóm chủ trương đã chỉ cười cười mà không chịu nói.

— Có gì đâu. Đừng nóng. Chậm lắm hai tháng nữa sẽ biết.

Riêng bạn đọc sành điệu mê tùy bút của nhà văn Mai Thảo hãy dành sẵn một khoản tiền nhỏ đi, kéo lúc sách ra không mua được lại tiếc. Họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật sẽ trông nom phần trình bày và kỹ thuật ấn loát cho nhà xuất bản.

• Tìm đọc trong tháng này :

VƯỢT MẮT

truyện dài của Thảo Trường

Nhà THỂ HIỆN xuất bản

— giá bán 140 đ.

TÀI BẢN

Nhà Trình Bày đã cho lên khuôn cuốn *Ngàn cánh Hạc* của KawaBaTa (in lần thứ hai), vì 6 ngàn cuốn lần đầu đã hết vào trong vòng một tháng. Ở lần 2 này, bản Việt ngữ của Trung Dương được sửa chữa kỹ càng hơn và sẽ phát hành vào khoảng hạ tuần tháng 7 này.

Ngoài ra, độc giả hẳn còn nhớ đã thích thú đọc cuốn *Con Voi* của SL. Mrozek với bản dịch công phu của nhà thơ Diễm Châu, nhưng nhà TB lại sẽ cho lên khuôn một cuốn *Con Voi* thứ hai. Mà đặc biệt là con voi của Việt Nam 100%o. Ly kỳ. Đón coi.

ĐÊM THƠ

ĐÊM MÀU HỒNG

Tuần qua, nhóm chủ trương phòng trà ca nhạc Đêm Màu Hồng, đã bắt thần tổ chức một đêm văn nghệ đặc biệt, lấy tên là Đêm Thơ.

Đêm Thơ tại Đêm Màu Hồng đã quy tụ những nghệ sĩ ngâm thơ uy tín nhất hiện nay là Quách Đàm, Hồ Diệp, Bích Thuận và tăng cường thêm phần ca sĩ, ngoài Thái Thanh (thường trực) Phương Dung, còn có Kim Tước, về phía người thường ngoạn, người ta thấy có đủ mặt các « cái bang » như kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, nhà văn Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Ký Giả Lô Răng, bốn báo thư ký tòa soạn. Nhà thơ Hoàng anh Tuấn ở Đà Lạt mới về cũng đã nhập bọn. Đêm Thơ trên đã thu hút một số thính giả chọn lọc với những bài thơ phổ nhạc nổi tiếng nhất từ xưa đến nay.

Theo nhạc sĩ Phạm Đình Chương người chủ trương quán nhạc này, thì những đêm văn nghệ có chủ đề đặc biệt như vậy, sẽ được tổ chức một cách bất thần, luôn, trong tương lai. Tiếc thay cho những khách sành điệu của Đêm Màu Hồng, buổi đó đã vắng mặt.

**THÊM MỘT CHƯƠNG TRÌNH
NHẠC ĐẶC BIỆT**

Bắt đầu từ tuần rồi, nhạc sĩ Trường Duy đã nhận lời đứng ra tổ chức mỗi đêm thứ bảy và chủ nhật một chương trình ca nhạc đặc biệt — từ 15 giờ đến 18 giờ, cho nhà hàng Maxim.

Chương trình nhạc này sẽ có hai phần, phần nhạc Trẻ và phần nhạc Chủ Đề do các nam nữ ca sĩ tên tuổi của các ban nhạc thời đại đảm nhiệm.

■ ĐẶNG TRẦN HUÂN

MARIA CALLAS

TRÚT HẬN

Từ ngày nhà tỷ phú Onassis dứt tình ca sĩ Maria Callas để cưới góa phụ Kennedy, nàng ca sĩ buồn lại trở về với nghệ thuật. Nàng lại đi hát và thêm nghề đóng phim để tiêu sầu.

Mới đây khi nghe tin Callas tới đóng phim *Medea* ở Uchisar thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, Tổng Trưởng Thông Tin Nikat Kursat đã tìm tới nơi nàng ở viết danh thiếp đưa vào xin yết kiến, tỏ lòng ái mộ. Lát sau Callas cho người trả lời rằng : « Tôi mệt, không muốn tiếp chuyện ông ! »

Kursat lui thủ trở về thủ đô Ankara, truyền bố với báo chí rằng

<https://tieuuun.hopto.org>

cung trâm tường



sở hành trình

CÁC H đây hai mươi năm, Jean Paul Sartre mơ ước một thứ văn chương phổ quát và cụ thể, phát huy trong một xã hội không giai cấp, không độc tài, thường xuyên kiểm thảo, biến dạng, nghĩa là thường xuyên bóp bênh, thường xuyên cách mạng. Theo Sartre, sinh hoạt trong một môi trường hiểu động như vậy, văn chương sẽ là « điều kiện cốt yếu của hành động », nghĩa là « khoảnh khắc của ý thức phản tỉnh ». Nó dựa trên một ý niệm tự do hai chiều. Sự tự do « nói hết cả » của người viết văn và sự tự do « thay đổi hết cả » của quảng đại quần chúng độc giả, kể cả sự lật đổ liên tục một trật tự mới khi nó muốn cứng đờ lại.

Đường nổi hai chiều tự do này là ý thức bốn phần của người viết văn phải đi đến độc giả bằng cách « tác động », viết cho độc giả. Bốn phần này, chính Paul Eluard cũng đã đề cập tới khi viết: « Le tout est de tout dire » (Tất cả là phải nói hết tất cả.)

Đối với Sartre, một thứ văn chương định nghĩa như trên sẽ đồng nhất được người viết với độc giả, hình thức với nội dung, và dính liền ngôn ngữ vào hành động. Nhưng sau gần hai trăm trang biện luận, ông đã phải chua cay nhận định rằng giấc mơ ước của ông chỉ là không tưởng: chúng ta có thể quen niệm một xã hội và một văn chương như vậy, nhưng chúng ta không có lấy một phương tiện cụ thể để thực hiện chúng.

Hai mươi năm đã trôi qua, kể từ cái tâm trạng ngày ngất đó, đêm đêm tôi nằm nghiêng ngấu từng trang sách của Sartre, thành khẩn như một tín đồ đọc thánh thư, rồi say sưa ôm theo mộng lãng mạn của ông như là của chính mình. Cho đến nay, ở giữa hoặc cuối đường của những hành trình tư tưởng cấp tiến, những biện chứng pháp, những hiện tượng luận, những triết thuyết duy linh, duy nghiệm, những ý thức hệ về hành động, hay gì nữa — mỗi thứ đều có lý ở trong giòng lập luận của nó — nhân loại vẫn không tìm đến được một thể quán binh thích đáng. Trái lại, được xây cất lên bằng những lớp truyền thống xúc tích qua lịch sử và có khuynh hướng hầu như tất nhiên là ổn định lại thành một truyền thống mới, trật tự ở mọi nếu không lung lay dữ dội thì cũng giao động xôn xao hoặc chứa ngầm những mạch áp tiềm tàng. Một hiện tượng đang xáo trộn đang chuyển mình và làm rung đến tận cốt rỗng xã hội Hoa Kỳ. Một xã hội đã từng được một số người coi như là « giàu có », « lành mạnh », « hiểu động », « thẳng tiến », « lạc quan ». Hiện tượng xáo trộn này là một hiện tượng xã hội, nhưng khởi điểm của nó là một khủng hoảng của chính ý thức cá nhân về những lối sống. Cái mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản kỹ nghệ là trong khi đề cao tự do cá nhân, chính nó lại rơi vào cái bẫy là biến những giá trị cấp tiến thành một hệ thống tín điều, trong đó cá nhân bị băng hoại vì thứ bệnh cự trưởng (gigantisme), và giá bởi thường thay vì là một hứa hẹn siêu nhiên như trước kia thì nay là một ý niệm tranh đua không ngừng để kiếm lời không ngừng. Chính ông Daniel Moynihan, hiện làm phụ tá đặc biệt cho Tổng Thống Nixon về những vấn đề thành thị, đã lên tiếng tố cáo sự mâu thuẫn trên trong bài « The New Left and Liberal Values » (Tân Tả Phái và Những Giá Trị Về Tự Do) đăng trong tạp chí The American Scholar.

Lịch sử đã chứng tỏ chân lý không đơn giản như ước vọng của những thế lực kinh tài bảo thủ Hoa Kỳ khi họ tưởng rằng một sự pha trộn khéo léo giữa những kỹ công của kỹ thuật và sự biến cải Tân Ước Kinh thành một chủ nghĩa tự do thể tục sẽ mang lại hạnh phúc trên trái đất này. Trái

lại, sự thật là họ đã hốt hoảng chạy đuổi sau cái mực lợi tức cứ lùi xa mãi của họ như những con nỏ của John Updike. Sự thật là phần thịnh vật nhất không bắt buộc phải là hạnh phúc tinh thần; đôi khi, nó có thể quay lại hủy hoại chính hạnh phúc tinh thần. Trong bài đăng ở tạp chí The Nation, Richard Blumenthal mở đầu diễn văn của ông trao « Students for a Democratic Society » (Sinh Viên Tranh Đấu cho một Xã Hội Dân Chủ), nhận xét: « Mỗi lưu tâm chính và hướng thượng của xã hội phải là thẳng tiến và làm thanh cao những khả năng luân lý, thẩm mỹ và luận lý của cá nhân, ngõ hầu tạo cho cá nhân một thể độc lập thực sự. »

Theo Blumenthal, phương tiện đạt đến cứu cánh này chắc chắn không phải là « một cái nhà nghỉ mát ở đồng quê với một cái ga ra để được hai xe hơi. » Một ước vọng như vậy là « nghịch ý thức hệ và nghịch trí thức. »

Cách đây hai mươi năm, Sartre cũng đã có những viễn kiến về một nhân loại sinh hoạt không bình thường, luôn luôn bóp bênh. Nhưng ông không tiên đoán nổi hình thù ghê gớm và tốc độ mau chóng đặc biệt của hiện tượng xáo trộn xã hội hiện đang xảy ra ở Hoa Kỳ. Cũng như Marx đã không thể nghĩ đến cách mạng vô sản sẽ phát hiện ở Nga thay vì ở Đức hay Anh, và cách mạng vô sản thuần túy, nghĩa là vô sản nhất, sẽ nổ tung ra ở Trung Hoa thay vì ở Nga.

MỘT THỨ LÍNH



ĐÁNH THUÊ

Thêm vào hiện tượng xáo trộn xã hội tại Hoa Kỳ, một hiện tượng có tầm mức vô cùng quan trọng đối với vận mệnh của cả thế giới trong những năm tới, còn phải kể đến năm, sáu cuộc chiến tranh, biết bao những biến động, cách mạng lớn, nhỏ đã không ngừng lay chuyển nhân loại trong suốt hai mươi năm qua. Nghĩa là, nói chung, chúng ta đã thường trực sống trong những hoàn cảnh bất ổn, những hoàn cảnh « cách mạng », những hoàn cảnh rất thuận tiện cho việc phát động thứ văn chương phổ quát, cụ thể, bóp bênh, phá đổ, sách động của Sartre. Nhưng sự thật đã trái lại ước vọng này. Đối với đa số nhân loại, kể cả những nước có đầy đủ phương tiện phổ biến văn hóa như như Mỹ và Nga, văn chương vẫn không được hưởng ứng như một lối hành động, một phương sách đấu tranh cho cuộc sống con người. Nó vẫn chỉ là một sinh hoạt tâm lý mơ hồ, nặng tính cách giải trí trêu trọc, giành riêng cho một thiểu số nhân loại tiểu tư sản, hoặc nếu vô sản thì là thứ vô sản ưu đãi của chế độ, tập trung vào những thành thị, có học lực, lợi tức và đời sống vật chất tương đối cao, nghĩa là có những điều kiện để thưởng thức hoặc làm văn chương. Mặc dầu đã có những nỗ lực đổi mới của nhiều tác giả để nói lên chân thực lương tri thời đại, nhất là ngay sau cuộc thế chiến thứ hai và trong thập niên 50, ngôn ngữ văn chương vẫn không thực hiện được dẫn được nguyên chức của nó là mang ý nghĩa sự vật ra khỏi những lồng kính ký hiệu và trình bày nó trước mắt đạo giả. Trái lại, khi rời khỏi ý định viết để hiện thành một thể giới hữu hạn, ở đó, trần trụi nằm chờ sự phán xét của những tự do khách quan, tác phẩm lại mất đi tính cách thuần túy và bị lũng đoạn bởi ngôn ngữ. Nghĩa là thay vì sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện chuyển đạt, nay chính tác

phẩm đã biến thành một môi trường trong đó ngôn ngữ như một điều cưỡng thoát khỏi sự kiểm soát của ý thức. Như vậy, phải chăng ngôn ngữ tự nó đã tiềm chứa một phản ứng, thứ phản ứng vật lý của cơ bắp một chiếc súng khai hỏa? Ngôn ngữ văn chương hôm nay vẫn chưa hết là một thứ lười, dẫn đến ngộ nhận ý định của tác giả. Nó cũng không hề có tính cách phổ quát và cụ thể như Sartre đã mơ ước cách đây hai mươi năm, dù rằng đời sống nhân loại đã và đang không thiếu gì những hoàn cảnh cách mạng, những lý do để đấu tranh. Đối với đa số quần chúng, văn chương của những tác phẩm, sách chương, biểu ngữ tuyên truyền, vẫn chỉ là một trò múa rối làm mất mắt, hay là một thứ chai để bí hiểm.

Một số người sẽ đứng lên bác khước nhận định trên, cho rằng đời văn chương phải phổ quát và cụ thể là đời một phi lý, một cái gì ở ngoài bản chất và khả năng của văn chương. Vì nguyên chức của nó là diễn đạt những hoạt động tâm linh của một chủ quan suy tư, nghĩa là một thể giới trừu tượng, siêu hình (hiểu siêu hình như là ở trên hình thể và hình ảnh), và chủ quan suy tư này dù có sắc bén đến đâu thì cũng chỉ có tầm nhìn hữu hạn, không sao ôm lấy được tất cả khách quan với vọi, nên văn chương không thể phổ quát và cụ thể. Luận điệu này bắt buộc sẽ dẫn đến một thứ « bản thể luận » về ngôn ngữ trong đó văn chương sẽ bị chung thân kết án là hầu như bất lực về phương diện tác động nhân loại, khi đối chiếu với những sinh hoạt tích cực như điện ảnh, vô tuyến truyền hình, âm nhạc, kịch nghệ, hội họa...

Tôi không còn muốn đi sâu vào những vấn đề « bản thể » trừu tượng như trên nữa vì hai lý do. Lý do thứ nhất là đó là những vấn đề của một số học giả Tây Phương sống trong những hoàn cảnh quá khác xa, nên đối với tôi có thể chỉ là những giả đề. Lý do thứ hai là, nếu cứ chạy hoài theo họ vào những thế giới suy tư siêu việt, ở đó cuộc đời bắt đầu nguyên sự vật lấm lức có hình dáng trùng phức của một đám mề vô ích, tôi sẽ quên mất đi cái thân phận da diết của chính tôi, một người viết văn sống một đời sống vật chất thiếu thốn, và tinh thần không ngừng giao động bởi những thảm cảnh của một cuộc chiến tranh huynh đệ đặc biệt khủng khiếp. Tôi sợ rằng nếu cứ tiếp tục ngoảnh lưng lại cái thân phận ấy để đắm thân vào một cuộc phiêu lưu trí thức hăm hở, giá quá đắt đối với thực trạng Việt Nam đau khổ, tôi cuối cùng sẽ là một kẻ vọng ngoại, với hết cả ý nghĩa xấu xa của danh từ này.

Sở dĩ hôm nay tôi nhắc lại ước vọng hai mươi năm trước đây của Sartre về một thứ văn chương phổ quát và cụ thể trong một xã hội không giai cấp, không độc tài và thường xuyên cách mạng, là vì tôi hết muốn tự mắc kẹt vào những giả đề do chính ông và những bậc thầy Tây Phương khác đã bày đặt ra, thật thông minh mạch lạc, quyến rũ đối với những sinh viên « nhuộc tiêu » được may mắn (hay bất hạnh?) xuất dương để học hỏi. Một giả đề là một vấn đề đặt ra rồi sau đó bị phủ nhận là không tưởng. Một giả đề cũng là một vấn đề đặt ra không đúng chỗ, không đúng thực trạng lịch sử, không đúng tinh tự dân tộc, không đúng thân phận con người. Một giả đề là một vấn đề sai.

Sartre và những bậc thầy Tây Phương có thể tự cho phép giống chơi trong những giả đề, bởi tại họ sống một môi trường thuận lợi, thoải mái, bao dung, chấp nhận triển hạn cho những lầm lẫn. Nhưng với chúng ta, những người làm văn chương ở miền Nam Việt Nam, lịch sử thức bách và ác nghiệt, không ban cho chúng ta những triển hạn. Sống trong một quê hương bị nô lệ một trăm năm và chưa xóa được mặc cảm mất gốc, vọng ngoại là một tội, phải bị đào thải. Đặt lại những giả đề của Tây Phương, rồi lấy đó làm một thứ ngông để phô trương trí thức, nào có khác gì hành xử như một thứ lính đánh thuê. Và, khi một kẻ ngoảnh lưng lại với thân phận nhuộc tiêu của mình để đi đánh thuê bằng súng ống ngoại nhân hay bằng một ý thức hệ nhập cảng, sự dè hèn cũng vậy, không hơn không kém.

NGŨ NGÔN ĐÔNG PHƯƠNG

NGŨ NGÔN TRUNG HOA

Theo Nguyễn Trọng Thuật trong một bài báo đăng trong Nam Phong tạp chí của ông thì lối văn ngũ ngôn trong văn học sử thế giới có lẽ là có sớm nhất ở Trung Quốc, đó là bài thơ "Quạ kia" của ông Châu công trước Tây lịch ước hơn một ngàn năm. Nguyên vua Vũ vương là anh ông Châu công đánh bại vua Trụ lấy được thiên hạ của nhà Thương, rồi thương tình phong cho con vua Trụ là Vũ Canh ở một xứ nhỏ và cho hai em là Quân Thúc và Sái Thúc đến giám đốc. Ít lâu sau Vũ Vương chết, con là Thành Vương còn nhỏ lên nối ngôi, Châu công làm thủ tướng (Chính ông là người đã thay mặt Trung quốc tiếp đãi lần đầu sứ thần nước ta). Thấy Vũ Vương mất rồi, Quân Thúc với Sái Thúc bèn mượn tiếng Vũ Canh dấy lên làm phản, phao ngôn đi rằng: "Châu công muốn lợi dụng thằng bé con". Châu công phải đi đánh giết được Quân Thúc và Vũ Canh mà xem ý Thành Vương cũng còn chưa tin bụng mình mới làm ra bài thơ "Quạ kia" đưa về cho Thành Vương để tỏ lòng ưu quan ái quốc của mình, mượn lời con chim mẹ bảo con quạ: "Mày đã bắt mất con tao, mày đừng phá nhà tao nữa." Chim mẹ ví vào ông, con quạ ví Vũ Canh, chim con bị giết ví Quân Thúc, tỏ chim ví quốc gia nhà Châu.

Bản dịch toàn bài "Quạ kia" như sau (bản dịch cũng của tác giả Nguyễn Trọng Thuật):
Quạ kia đã bắt con ta,
Thôi đừng phá hủy cửa nhà ta chi;
Biết bao bú mớm bù trỉ,
Thương con ai cũng lòng kia khác nào.
Hôm nay trời chưa mưa dầm,
Bé cảnh dẫu đề ta khuôn về nhà;
Khuôn về chẳng buộc nhà ta,
Dưới kia ai dám lân la nhòm hành.
Ta đi tha rác mọi nơi,
Ta đi tìm kiếm lấy mỗi chất chùi;
Chân nam đá với chân chiêu,
Miệng khô vì nổi dầm kiu cửa nhà.
Ta kêu rỏ rất gần xa,
Đuôi ta cụp lại cánh ta xệp xoè;
Vì chưng gió lật mưa dề,
Cửa nhà lay chuyển chín e rã rời.

Xuống đến đời Đông Châu, nghĩa là từ Xuân Thu đến Chiến Quốc, hơn bốn trăm năm thời cực xoay dần ra cái thế liệt quốc cạnh tranh, học thuật tự do, tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, nhân đó triết học, văn học phát triển mạnh, các phái học giả đua nhau nào lập thuyết, nào du thuyết để răn khuyên người đời, do đó lối văn ngũ ngôn càng phồn thịnh dữ mà Trang tử và Mạnh tử là hai kiện tướng lừng danh về loại văn thể này. Từ đời Tần trở về sau lối văn ngũ ngôn có sút kém.

LỐI VĂN NGŨ NGÔN Ở ẤN ĐỘ :

Trong kinh sách Phật giáo—văn theo lời Nguyễn Trọng Thuật—thì những bài dụ (ngũ ngôn) là để dễ bề cảm hóa đám chúng sinh bình dân, trình độ trí thức kém. Song những bài dụ đó thiên về tư tưởng xuất thế khác hẳn với tư tưởng gần nhân sinh xã hội của loại ngũ ngôn khác.

"Có một người bị bốn con cuồng tượng đuổi chạy đến cái hồ sâu vô kể, miệng hồ có cái dây leo thông xuống. Người ấy bám dây lần xuống, đến nửa chừng, trông xuống thì thấy những giống độc ác, trông lên thì thấy có hai con chuột để: xậm cái dây." Người ấy chỉ về người đời, bốn con cuồng tượng ví bốn cái nghiệp nó khu bác người ta; cái dây ví với đời người; hai con chuột gặm ví ngày tháng mòn mỏi; dưới hồ ví nơi sa đọa. Nghĩ đến đời người như thế còn có thú gì mà không tu hành giải thoát. (1)

Thật ra không phải chỉ về sau trong kinh sách nhà Phật mới có những dụ ngôn (như tập Jataka kể lại những chuyện tự hằng hà sa số kiếp tái sinh của đức Phật) mà ngay sinh thời đức Thích Ca lúc Ngài thuyết pháp, Ngài cũng vẫn thường dẫn những chuyện về muôn thú có cây để các tín đồ dễ hiểu những lời thuyết giáo của mình.

Nhưng có lẽ nguồn gốc ngũ ngôn cổ nhất của Ấn độ phải kể tới tập cổ

Về Hán Ngữ : Những truyện bằng Hán ngữ đều là tản văn cả, như truyện "Con long với con hổ" tả hai con thi sức khoe tài rồi đối đáp với nhau, thúc kết thì bênh con long là nhân, mà bị con hổ là bạo. (Khuyết danh).

Truyện "Cóc đi thi" của Lê Quý Đôn, tương truyền tác giả định bị một ông quan nào đó trong triều mà làm ra. Truyện hài hước đại ý nói Cóc theo loài thủy tộc lên cửa Long môn thi, Long vương thấy lạ hỏi: "Cái quái vật gì mà bụng to da kệch thế này?" Rồi đập cổ Cóc xuống.

Ba truyện sau đây đều khuyết danh như truyện "Con long với con hổ" trên.

"Truyện con gà, con mèo và con chó" ý là cho văn cũng không kém gì vũ nên nói: Mèo kẻ công bắt chuột thì chó kẻ công giữ trộm; gà kẻ công dạy sớm đánh thức con nhà chủ để đợi mai kinh sư cho thành tài.

"Truyện súc vật hội nghị" có ý trêu giễu kẻ lười, lược rằng: Trâu hội cả gà, chó, mèo và lợn lại mà bảo: "Anh gà kia thức thời thì cho chiêm

Thì ra kẻ hèn văn các cung mong được phụng sự kẻ mạnh mà kẻ mạnh vẫn rình bắt chứ có tha cho đâu.

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào, ông sẽ xéo măng.
Có sáo thì sáo nước trong,
Đừng sáo nước đục đau lòng cò con.

Tả cái lòng không dám quên ai tể độ; nhưng giả sử vào trường hợp có gì bị ngờ mà phải chết, thì cũng xin cho chết một cách trong sạch để khỏi đau lòng.

Còn một bài nữa mới về vợ chồng chim chích nhưng ngụ tả tình trạng gia đình kẻ binh dân. Bài này dài, lược truyện như sau: "Vợ chồng chim chích mở được bốn con, chồng dặn vợ ở nhà nuôi con, chồng đi kiếm mồi. Sau vợ thương chồng vất vả đòi đi kiếm thay, không ngờ lạ thung lạ thổ, suốt ngày không được gì, tới lúc trời nồm nhem tối, thấy trong cái hoa sen cụp lại bị giam cả đêm, mãi đến sớm hôm sau mới về. Chồng ngỡ là say đắm hoa nguyệt, vợ chim chích phải giải bày:

Tôi mà phụ dẫy chồng con,
Thì xin lên đình mắng non tội tôi.

Ông Hoa Bàng Hoàng Thúc Trâm trong một bài đăng trong tạp chí Tri Tân cũng coi ca dao là tệ tổ của lối văn ngũ ngôn, ngoài hai bài "Con gà cục tác lá chanh" và "Con mèo mảy treo cây cau" ông còn dẫn chứng một bài khác:

Con cò chết rũ trên cây,
Cò con mở sách xem ngày làm ma.
Cà cưỡng uống rượu la đà,
Chim ri riu rù dờ ra chia phần.

Ý tả cái phong tục hủ lậu nơi dân gian. Ở đây tác giả vô danh của ngũ ngôn Việt nam chỉ dùng ngôi bút tả chân khiến độc giả tự hiểu lấy. (2)

Cũng gần với ý coi ca dao có liên hệ mật thiết tới nguồn gốc ngũ ngôn Nguyễn văn Ngọc, trước ông Hoàng Thúc Trâm và trước cả Nguyễn Trọng Thuật nữa nhiều, đã viết trong bài tựa cuốn Đông Tây Ngũ Ngôn (1927) như sau:

"Người ta có thể nói được rằng gốc tích ngũ ngôn bắt đầu có từ khi cái trí con người biết mượn lời bóng bẩy để diễn tư tưởng của mình. Ngũ ngôn cổ không kém gì những câu tục ngữ, ca dao rất cổ. Tục ngữ, ca dao có biết bao nhiêu câu thực đã như những lời kết luận của các bài ngũ ngôn lấy ra còn dư lại." (3)

Và Nguyễn văn Ngọc cũng đem ca dao ra minh chứng. Thí dụ:

Quạ mà đã biết quạ đen,
Có đâu quạ dám mon men tới cò.

hay là:

Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Kẻ vớ con lợn, mắt coi chừng chừng.

Lắm khi không còn phải diễn

(Xem tiếp trang 11)

1 Nguyễn Trọng Thuật, "Khảo Về Lối Văn Ngũ Ngôn", Nam Phong, số 116 tháng tư 1927, tr. 332-39.

2 Hoa Bàng, "Thề Văn Ngũ Ngôn Của Ta Có Từ Bao Giờ", Tri Tân, số 100 (juin 1943), tr. 498-99.

3 Theo lời thuật của: Vũ Ngọc Phan

ĐOẢN QUỐC SỸ



NGUỒN

GỐC

CÁC THỂ

NGŨ NGÔN

ĐÔNG TÂY

thư viết bằng chữ Phạn Panchatantra (Ngũ Thư). Những truyện ngũ ngôn trong tập cổ thư này thường rất dài, mắc mứu đan dệt truyện nọ vào với truyện kia như kiểu những truyện trong "Ngàn Một Đêm Lẻ". Còn nội dung cũng mang đậm màu sắc của một lời khuyên hiền triết hơn là cái nhìn dị dóm về nhân sinh.

Cũng những ngũ ngôn trong Panchatantra, bản dịch sang tiếng Ả Rập mang nhan đề là: "Ngũ ngôn của Pīdai". Chính Pīdai được coi như ông tổ của thể ngũ ngôn Ấn Độ, nhưng tiểu sử của ông thì rất mờ mịt, chẳng biết ông sống vào thời nào và ở nơi nào tại Ấn Độ. Người ta chỉ biết ông là một nhà tu hành và đã từng phò tá vua Dabchélīm (?).

NGŨ NGÔN VIỆT NAM :

Văn cùng một bài báo đăng trên Nam Phong tạp chí đã kể trên, ông Nguyễn Trọng Thuật đã có công nghiên cứu khá đầy đủ về thể ngũ ngôn của nước Việt nhà.

Văn ngũ ngôn Việt nam ta có đủ hai thể văn vần và văn xuôi, và hai thứ chữ Hán ngữ và Việt ngữ. Thể văn này xem chừng như có từ đời

nghe thời tiết; chú chó kia mạnh bạo thì cho giữ nhà; chú mèo nọ tài bắt chuột thì cho đi giữ thóc; còn tên lợn này ăn no ngủ kỹ thì chờ heo tốt rồi ăn thịt." Lợn kháng nghị không chịu. Trâu rằng: "Đi sớm muộn, mi không bằng gà; giữ kho không bằng mèo; coi trộm không bằng chó, lại ăn hại như thế không mỗ để làm gì?" Lợn hỏi lại: "Thế còn ông thì sao?" Trâu nói: "Ta hết sức cày ruộng để nuôi chúng bay!"

Còn "Truyện con ve và con ruồi tranh luận" thì cực tả con ve là bậc thanh cao mà con ruồi là kẻ tham ô.

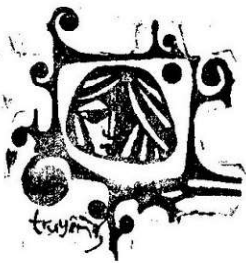
Về Việt Ngữ :

Thoạt hãy nhìn vào một số bài ca dao có dáng dấp ngũ ngôn:

Con gà cục tác : " Lá chanh, "
Con lợn ỉn ỉn : " mua hành cho tôi ; "
Con chó khóc đứng khóc ngồi :
" Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng. "

Lá chanh chuyên để ăn với thịt gà luộc, hành chuyên để xào nấu với thịt lợn, và riêng với thịt chó. Thì ra đời chỉ đời lấy cái chết.

Con mèo mảy treo cây cau;
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà ?



trần lê nguyên

NGOẠI TRƯ HAI CON MẮT

Còn đây cát lầy bụi cháy quốc lộ số I vằm nát lỗ lổ
Và mắt anh đau nhức không còn thấy gì
không còn thấy gì
những Niệm những Ni những Trinh
Chuyến xe goòng đêm ấy anh kéo tấm mền lên « tạch tạch xè » xưa cũ
tủ lên tay em hết còn trắng xanh trai xăn lao động

trước khi cầm lấy
Và biết rằng không còn gì nữa
không còn gì nữa
không còn gì nữa
ngoại trừ hai con mắt
Hai con mắt làm ghen các nữ sinh Đồng Khánh Huế
Hai con mắt chủ nghĩa Mác Lê không làm hết được màu đen

Màu đen giữa màu xanh

Niệm còn nhớ không sau hội nghị liên khu em tìm nó và nó để em trở
về Phú Yên không một lần gặp gỡ

Ni còn nhớ không những tay sơ mi trắng xăn trần đêm mít tinh buổi
ấy ngực căng tròn các chị nữ dân quân — dĩ nhiên trước ngày cha
bị đấu anh bị bắt

Trinh có biết đường đèo Cù Mông mới khai thông anh chưa được
thăm lại ruộng muối Trung Trinh, Lệ Uyên biển năng, Sông Cầu
cát trắng dừa xanh nhớ đêm Hà Bằng đơn độc chiến dịch nào thất
bại gió lùa heo hút từ nẻo La Hai đôi lứa cùng lặng thinh không nói

Và Thương. « Đường về làng em tôi xa lắm... » Tôi nghe tin Thương
« được » xây dựng với một cán bộ đi tập kết mấy ngày trước khi
xuống tàu Ba Lan ra Bắc. Và trường hợp hân hữu Thương « được »
đi theo. Chiếc cầu sang thôn Du Quang còn ngập hai con thủy triều
lên xuống. Tôi không bao giờ trở lại. Tuổi trẻ bị làm mỗi cho kẻ
hoạch tính căm Nam trông đợi Bắc — Bắc ngóng về Nam. Tập kết
không là hai năm. Hồi kết là chín mười năm sau đây. Có anh bộ
đội về ngủ với vợ người ta trả lại cho một đêm đã thấy thấm thía
hơn lời chính ủy. Thương và tôi hoàn toàn xa lạ. Như ngày nào
hai đứa mình vịnh biệt. Tôi duy tâm muốn Thương là còn kỷ niệm.
Như thương khóc không tin tôi về thành để làm Việt gian. Như
còn thấy cát bồi bờ Thái Bình Dương xup lổ dưới chân và hai
đứa náu kéo nhau giữa khoảng không sáng tinh sương ngày ấy.
Bây giờ không còn gì. Không còn gì Hồ Ngọc Thương Thương

Không còn gì ngoài con mắt đau nhức vì bụi đường 19 rất có thể vì vi
trùng « Ma-Ni-Lít » vì căn bệnh què hương. Sao anh không được
đui mù trọn vẹn ? Để khỏi phải thấy vòng đai trắng. Vòng cận sơn
Tây quốc lộ I hoang tàn vắng lạnh. Trận chiến lớn thực sự
khởi đầu

Tôi già biệt nắng bụi mưa bùn và thấy ngoại ô Saigon trở thành xa xỉ.
Thấy màu xanh mầu tím mầu hồng đại lộ toàn mầu bụi vô danh.
Thấy ngã tư Hồng Thập Tự — Đa Kao (điều thừa hưởng duy
nhất của cách mạng 1 tháng 11) sao mà cách trở. Cách trở như
đường Cường Để và đường Đinh Tiên Hoàng đầu đầu vào nhau
để vẫn là hai con đường khác biệt. Con mắt đau nhức không còn
thấy nổi mầu trắng kêu xa mầu đỏ chính phục mầu xanh rêu ngụy uyển

Con mắt đau nhức thấy gì ? Ni đã về đây hiện ra sao ? Niệm vô sản
hóa kiên định lập trường từ đây chỉ có con đường cách mạng.
Nhưng cách mạng là cái gì ? Tôi mới hay tin Lê đã bỏ Hồng Thập
Tự nước Pháp tìm gặp người anh trai xa xứ tận một hòn đảo
Đại Tây Dương hoang dã

Tôi đeo kính đen ban đêm và mắt còn đau nhức. Tất cả chỉ phiêu lưu
đến từng cái đích ngoài tay với. Anh muốn em cùng hiểu một
điều cả em cả anh rồi cùng chết đi nhưng què hương rách nát này
còn mãi. Cả tên lửa tầm gần tầm xa của Nga của Tàu cả bom
nguyên tử cỡ nhỏ cỡ trung của Mỹ cũng không thể nào phá vỡ. Nghĩ
vậy anh cười với người nữ phóng viên nước bạn đeo ống ảnh nai
nịt cùng mình trên đường Lê Lợi như mô ma Hémingway thời
kỳ nội chiến Tây Ban Nha. Cô bạn ấy nghiêm nét mặt. Anh muốn
em biết rằng bên này không phải là không có những « Carlotta »
của tự do

Con mắt đau nhức thấy gì ? Anh cố ý làm không gặp được đứa em
gái thẳng bạn đi thanh niên thiện chí. Những Thu của bây giờ.
Của An Túc Bông Sơn nào xa. Và anh yên tâm nếu có mù hai mắt

Vì dù em còn ở Hà Nội đã hồi kết về Nam qua Trung Quốc sang
Cuba hay tới miền Nam Mỹ ở đâu mắt em cũng là đẹp nhất

Anh tin người ta không thể tha hóa hai con mắt trông đen

Và anh yên tâm nếu có mù hai mắt

4 GIỜ. — Có lẽ thế. Ánh sáng lờ
mờ bên ngoài lỗ châu mai. Tiếng
vượn tiếng chim nheo nhóc dưới
thung lũng sau đồi. Gió từng đợt kéo
qua bập bùng trong tấm vải nhựa
che mưa trên mái trại. Sương mù và
hơi lạnh len vào cửa, gai đặng thịt
da. Cũng như trời cuối thu ngoài
minh rồi đó. Như ngoài minh. Ý nghĩ
và nụ cười và tấm chăn đơn kéo lên
chùm kín lấy ngực. Tưởng tượng
thấy sự lạnh lẽo của Biển giữa những
hàng mộ trắng, những khuôn mặt nhợt
nhạt trên đường Lê Lợi, trên chuyến
đò Thừa Phủ qua sông ngày cầu mới
gây, trên tầng ba thư viện đại học con
đôi và tiếng cười, như thơ Nhân:
nói khỏi hải kinh kẹ Mã khắc Tư.
Tưởng tượng thấy bóng tối chấp
chờn trong quán ăn ẩm phủ, những
ly bia một mình, những ly cà phê
sánh ẩm bạn bè trong quán Lợi, quán
Tôn, Tổng hội. Tưởng tượng thấy
ngọn đèn dầu phụng ở căn nhà sau
đường P.B Châu bên khung cửa nhỏ
trông qua nội thành, mặt nước hồ
mừng cao trong mưa giăng chùng,
những dáng nằm thu tròn co quắp
tay nâng dọc tàu, tiếng nhựa reo xa
và đôi mắt đắm đắm một thời son
vàng đã mất. Ngoài minh. Ngồi dậy,
đốt một điếu thuốc. Không biết
có phải trời sắp sáng chưa hay chỉ
là ánh sáng của trăng muộn năm khuất
trong mù. Ờ, mà làm gì có trăng
muộn. Đầu tháng mà. Lá thư viết về
Nha Trang cho Nhi hôm vừa rồi có
nói đến trăng. Nguyệt lạc ở đây. Trăng
non và tiếng cú trên mấy tầng cây
bên đồi Oiseaux. Hai hình ảnh nối
vào nhau một khoảng tâm tối u uất ở
giữa. Bây giờ có đã bay, trăng đã lặn
và tiếng vượn hú kêu sau rừng quay
quát. Tôi biếng nhất chống tay ngồi
thẳng dậy, tựa lưng vào tấm gỗ dựng
áp mặt tường bao cát, thân vẫn kín
trong chăn trùm, hút từng hơi thuốc
dài thở khói và thêm uống một ly cà

phê thật đậm không đường, cho mùa
đông, mặc chiếc áo len xanh nhạt
Hiếu đàn, nhét tay trong túi quần đi
dọc lối đường trải đá nâu lên vùng
đồi Trung Chánh hút thuốc dưới hàng
cây khô, ngo qua giáo đường,
nhà ga im vắng, hát một mình.
Thiên thai chúng em xin dâng...
Lâu quá rồi.

5 Giờ. — Sương mù bay từng
đợt chậm. Tất cả đất trời trong hư
huyễn. Sương trắng xóa cả phía sau
đồi Oiseaux, như không còn gì nữa
hết. Một triển dốc nhú lên giữa vô cùng
bên bờ vực, thăm thẳm sương
mù. Rồi xa trên Camp Smith những
ngọn đèn quanh phòng tuyến hiện ra.
Sương vẫn là đã vậy quanh sườn núi
lớn, đỉnh núi chia cao như một tầng
rời nổi trên thinh không. Rồi nhòa đi.
Trắng hết. Rồi hiện ra lại với những
hình thù đường nét khác. Bên sau đồi
oiseaux, con đường 20 cắt thành một
đoạn ngắn lù mù sáng ướt, như lưng
một con rắn bất động từ ngàn xưa.
Bao nhiêu dốc, bao nhiêu đồi nữa để
về thị trấn Blau. Có đèn còn sáng dài
trên những đường vắng không. Căn
nhà nào đó, cửa kính, tấm chăn kéo
đầy, khuôn mặt bình yên, bé ngủ. Bé,
Baby. Poupée. Ngủ đi em, mộng bình
thường. Không có thủy dương để mấy
bờ ru dỏ. Chỉ hoa điệp vàng và ta và
sương mù. Có xin Huy Cận cho phép
đọc lại hay không ? Bé ơi ngủ mộng
bình thường, hôn ta là gió mù sương
trên ngàn. Què hương bé cũng một
miền núi ngàn bát ngát, bên kia giòng
sông, không xa lắm Hà nội. Què hương
trong giọng nói buồn buồn và khuôn
mặt cúi. Què hương không đường
về. Tuổi nhỏ ta trông theo những
chuyến tàu, âm thầm, mơ ước và lớn
lên cùng loài cỏ tranh mọc che đường
sắt rét. Hình như ở đây trông về

● NGUYỄN MIÊN THẢO



CON TÀU THÂN QUYỀN

TIẾNG ỒI của chuyến tàu lửa
buổi chiều vẫn gọi cho anh một
hình ảnh thanh bình nào đó. Nhất là
những buổi chiều thật buồn một mình

trên căn gác. Một khung cửa, với cơn
mưa tối thật âm thầm, đến rồi đi,
ngậm ngùi, hứa hẹn. Ngôi nhà anh
nằm trong khu lao động. Nguyễn Thông
nổi dài, có con đường lầy lội phía
trước, và đường rầy xe lửa phía sau
gần như suốt ngày, ở khu vực này
đều được nghe thấy tiếng chuyển động
của những con tàu, gần như
thường trực.

Có những con tàu một hai toa,
không có người, ngán ngủ, chấp nối,
loang lổ, những con tàu tẻ liệt gần
mười mấy năm nay, vừa thức dậy,
vẫn xuôi ngược trên một đoạn đường
ngắn, một ngày nhiều bận, như tìm
lại sự quen thuộc đã lãng quên. Phải
chẳng lịch sử cũng chỉ là một lãng
quên của dĩ vãng, được đánh thức
từ một tuyệt vọng của hôm nay.

Những con tàu một ngày nhiều
bận đi về cho anh một cái gì vừa gần
gũi vừa xa lạ. Nhất là những chuyến
tàu buổi sáng buổi chiều, trong giấc
ngủ chấp chờn buổi sáng với tiếng
còi ngân dài, và buổi chiều, trong
khung cửa, với những âm vang nghiêng
trên đường sắt, xót xa.

Ở Saigon bây giờ là mùa mưa,
mùa mưa đối với anh thì tuyệt nhưng
hạt tiếc, nắng vẫn gay gắt ồm ập

Huế, Hà nội cùng một phương.
Phương Bắc.

5 GIỜ 30. — Ừ, 5 giờ rưỡi rồi. Tiếng ai đó nói trống bên ngoài. Có lẽ có tiếng hỏi nhưng tôi không nghe được. Sương mù nhiều quá. Tôi tháo chân đèn đồng lại, hát thì thầm, nhớ khi chiều tàn xa xôi, chắc không đường về tiên nữ ơi, và tìm dép bước ra khỏi trại. Sau tảng đá cao ngoài lỗ châu mai một thằng lính thượng đứng gác quay lại nhìn. Thân thể bí bưng trong tấm poncho. Khuôn mặt lam nham không rõ nét, bất động, trông xuống chân đèn. Phiến gác cuối. Vải nhựa poncho chảy xuống xuống lạng lẽ như màu rêu non ướt trên da đá tảng. Một bức tượng gác chưa thành. Một hình nhân được lòi ra từ đá lớn chưa trọn vẹn bỏ hững hờ lại từ nghìn xưa. Người nghệ sĩ đã chết. Bàn tay điêu đại đam mê đã mất hút vào muôn trùng, chơi vơi trong đoá đầy cùng cuối. Bức tượng giữa hoang mang. Còn và im lặng. Có sáng mai nghe tiếng hát tinh cò trong sương quay đầu tìm ngó. Rồi thôi. Khuôn mặt hút vào chiều sâu mất tích phía dưới. Cuối tầm mắt những ngọn đèn trên Camp Smith nhấp nhoe về lên sương một khoảng tròn đục vàng. Đêm bình đường. Đêm đã hết. Vài ba ánh lửa nhen lên phía sau tôi. Tiếng trẻ khóc eo óc trong một căn trại nào đó và không đứng thẳng lính Thượng bật ho. Tôi rùng mình. Khi poncho động dậy, rồi tĩnh lặng trở lại. Hình như sương mù đang đứng yên.

KHOẢNG 6 GIỜ. — Thêm nhiều tiếng trẻ khóc, tiếng kêu nói mà tôi không hiểu được và những ánh lửa đốt giữa khoảng sân trũng thấp, những vũng nước sáng, những

bóng người di động vật vờ. Tôi nhớ lệnh của viên đại úy đồn trưởng lập đi lập lại hàng chục lần; không được mang thơ vợ con đến đây, nghe không, nghe không K'huì nghe không Y-Do, nghe không Mang Sài. Nghe. Nghe và vẫn thế. Những cái vảy cá bắn xung xình tới lui, những tiếng khóc eo óc lem lức. Một ngày nào thả tất cả chúng về rừng, đóng kho, vác gùi đi lang thang kiếm lá tìm trầm. Tôi đốt thêm liều thuốc, quay trở lại. Thằng lính thượng không còn và khoảng dốc đồi trắng, sương phơi ra phía trước, lạnh tằm sâu hút, như cho một hện hò, gấp gờ đầu đó. Đầu đó giữa mệnh mang có đôi mắt già nua của người nghệ sĩ chưa người. Theo tiếng cú kêu bức tượng đá nửa chừng đang dở dần tìm về, từng bước một, với thỉnh thoảng, màu rêu non chói vơi. Những tiếng kêu nhau từ những bếp lửa le lói bắc cao như tiếng chim rừng. Mimosas đã thức. Bộ lạc Mimosas, 1969, tháng 6. Đầu đó những cụm hoa mimosas. 1954. Người đàn bà tóc nâu, đứa bé gái, người chồng, tách cà phê, vườn trà, tấm bia mộ dưới chân đồi ngó sang thung lũng phía sau, bên gốc cây avocat. Ici repose Maria Suzanne. Née le 07.2.1954. Dépérée le 17.5.1954. Một trăm ngày chôn. Repose.

Chín tháng mười ngày trong lòng mẹ, một trăm ngày dưới mặt trời và cơn mưa một từ nghìn xưa: Nơi đây an nghỉ, Mimosas. Cho một sáng mai tôi giữa sương mù đứng nhớ. Không còn cảnh hoa nào cả Suzanne. Những cây trà xưa đã lớn, cao theo hơi thở của rừng. Màu xanh sậm trên từng ngọn lá đầy gai.

Dưới chân đồi khuất trong sương mù, sau cánh lá, những chuyến xe tải, xe đồ sớm nhất từ Định quán

đã lên, từ Blao chạy về. Xe phải ngừng chờ dọc đường. 4 giờ chiều là hết. Mất rồi thời bình yên cũ, những chuyến xe bỏ bến khi mười giờ đêm, chạy vào đèo khuya, tìm về phố lớn kịp trời rạng đông, khách xuống xe dụi mắt ngáp dài uống trà cả phê trên bến nhìn quanh mỉm cười. Những chiếc xe mui trắng công kền, nổi vào nhau. Tiếng động cơ ậm ự khó khăn qua khỏi vùng đèo. Biết đêm này ghé lại nơi đâu. Bao nhiêu ga tạm nữa cho một ngày. Trên mặt chiếc đồng hồ và đôi tay người tài xế già mồi. Tôi mơ hồ thấy mặt kiếng tròn ướt hơi sương và những chiếc kim quay quanh như một trò chơi điên dại, khủng khiếp. Quay quay hoài và có tiếng cười ai cuối khoang xe? Khách nhìn mông ra núi đồi, khách bước xuống bến đầu tiên, kéo cao cổ áo nói buồn. Trời giống như mùa đông ngoài Huế.

Có lẽ hôm nay tôi về Blao. Thêm một ngày nữa trống không, chẳng biết làm gì. Chốc nữa, tôi sẽ là người khách tinh cò của một trong những chuyến xe đó. Khi nắng đã lên sương tan và toán quân xuống núi mở đường.

Quảng Thân. Mấy hôm nay tao như mất hẳn tinh lực. Suốt ngày ủ ỉn, nằm lui nằm tới. Những bữa ăn cách nhau từng khoảng trống vắng lờ lờ. Chẳng biết làm gì mặc dầu còn quá nhiều chuyện để làm, quá nhiều sách để đọc. Ngồi lên nằm xuống, không làm được cái gì hết, với cơn mệt mỏi, đầu đau sống trong buổi ngạt ngào. Có lẽ ngọt ngào quá thường làm cho người ta trở thành một thứ thối nát. Trách gì sách dạy võ viết rằng đường là một thứ ăn tốt nhưng dùng nhiều có hại. Tao dùng nhiều quá chăng. Một phiên đường trắng muốt như cái chồi máy

● NGUYỄN NGƯ



TRÔNG VỀ THỊ TRẦN

Poupée, miền bắc, tóc dài, khuôn mặt mang vóc dáng của Biên thời còn ở trường giồng nội trú Mỹ Linh, 16 tuổi. Tao không làm gì được, ngoài mấy câu thơ viết bỏ hững hờ... Em ngồi đó và rừng hoa điệp nở. Và mây trời tháng sáu trắng mang mang, và lòng ta... Blao nhiều hoa điệp lắm, Hoa điệp và mây. <

bụi bặm, mà cơn mưa thì vẫn rời rạc, thưa thớt, trông ngóng.

Tuy thế, những buổi sáng cơn mưa vẫn nhẹ nhàng âm thầm tới làm anh nhớ da diết những ngày tháng giêng ở Huế, mưa phùn bay và chuyến tàu trên quảng đường về đã nắng, một báo hiệu bình yên đang tới đâu đây. Anh đã ngậm ngùi thật sự khi cầm vé xe lửa trên tay, một chiếc vé rẻ mà so với thời giá bây giờ, năm mươi đồng bạc, một quảng đường gần trăm rưỡi cây số. Đi xe là phải mất gần năm trăm bạc.

Cảm động không phải vì giá vé quá rẻ, nhưng bởi không nên được những xao xuyến, dấy động bằng hoàng hôn từ một hình ảnh nào đó gần hai mươi năm, chợt trở về sinh động thân thuộc báo hiệu những huy hoàng sắp tới chiếc vé thơm mùi thật kỷ lạ, nhỏ nhoi nằm gọn trong lòng bàn tay, nhỏ nhoi như niềm hạnh phúc anh đang nắm. Xin đừng vỗ cánh.

NHỮNG chuyến tàu Saigon Biên hòa đã chạy trở lại từ chiều

chuyến tàu qua, anh miên man một trở về vào một sáng nào đó có mưa bay và, buổi chiều nào đó, dịu vợi nào nức âm thầm trở lại.

Bây giờ Saigon có quá nhiều tiếng nổ. Nổ bất cứ lúc nào. Lạy trời cho những tiếng nổ đừng viếng thăm một quảng đường nào đó khi chuyến tàu đi qua. Để còn thấy bình yên khoảnh khắc, để buổi sáng còn nghe tiếng ngân nga quen thuộc của tiếng còi hự, để buổi chiều còn được đứng mong ngóng chuyến tàu qua. Đợi chờ một người quen thân nào tỉnh cò trở về. Tay vẫy.

Anh còn nhớ mang máng một dịp họp mặt nào đó, đã nói tới cái hình ảnh quen thuộc, gần gũi, thân mật của quê hương. Đó là những đường rầy xe lửa. Anh nghĩ rằng sự khẳng định đó là một phát biểu đứng đắn và thực tế. Thực tế như đời sống áo com. Con đường rầy xe lửa có thể xuyên qua thành phố, xuyên qua một cánh đồng cỏ chạy hoang vu, bắc ngang qua dòng sông theo những nhịp cầu ôm ấp. Những khoảng đèo cheo leo. Những núi rừng trùng điệp. Hết thấy đều có mặt nó. Nó là hình ảnh của nối liền, thân thiết, là

của những chàng đảng tử, sự bình thân thâm lặng của đời sống vượt trên thực tại trên những vắn ở trong chứ không ở ngoài, nó thơ mộng mà cô đơn, nó phiêu lãng mà gần gũi. Nhưng hơn hết nó là hình ảnh thể hiện gian lao của đất nước này, vốn có quá nhiều điều linh, tang thương, khôn khổ.

TRONG khoảnh khắc nào đó thật mơ hồ, trong giây phút mộng mị nào bất chợt tới. Một sự ra đi và trở về âm ảnh bủa vây anh không được ở một nơi nào lâu (hình như số anh phải vậy) bởi đời sống có quá nhiều bất trắc, bị điều khiển trong một giới hạn nào đó của áo com, quyền lực. Sống phải chăng là khởi đầu bởi những chi phối từ đó.

Cho nên, đối với anh, sự ra đi hay trở về đều ngầm chứa một cái gì phản bội. Sự ra đi, tự thân nó không mang được ý nghĩa nào hết. Và trở về chỉ là báo hiệu khởi đầu một ra đi khác tiếp theo. Những chuyến tàu có mang ý nghĩa đó không. Hồi những con tàu thân quen. Nhưng

thầm, như ngóng đợi mà chẳng cần ngóng đợi.

Như xa xôi mà chẳng xa xôi. Vẫn đợi chờ đón nhận bất trắc, gần như thỏa hiện, không lên tiếng, không phản kháng, không phản búa, không chống đối, không mưu toan. Hồi những con đường rầy, ta thêm thái độ bình tĩnh và bất cần mà thượng của người. Hãy cho ta một chút tin tưởng nơi đời sống. Như chuyến tàu, chiều nay, bình yên trở lại...

Những giọt nước mưa tinh cò phủ xuống, ập ủ nóng bức bụi bặm Saigon bốc thành sương khói. Hình ảnh con đường Nguyễn Thông nối dài như có cái gì thân yêu, vẫn mê hoặc một khoảng vắng nào đó của tâm hồn. Trong cái sinh hoạt cấp bách hối hả về chiều của đời sống áo com, vẫn còn được một phút giây thư thái ngồi chờ đợi một chuyến tàu. Anh xin cảm ơn đời sống, cảm ơn những tiếng nổ, cảm ơn sự bình yên khoảnh khắc. Sáng mai trong giấc ngủ chập chờn mộng mị tiếng còi nào xin hãy đánh thức một ngày sinh hoạt mới, dù với những cô đơn khắc khoải, nhưng chỉ cầu xin một phút giây thư thái buổi chiều, để được ngóng chờ một chuyến



THỨ C giấc thấy đã trẻ giờ hẹn tôi rửa mặt thay vội quần áo, mồ hôi ướt đầm lưng áo, tôi nghe hơi hám của mình vậy tỏa, nhất là lúc đưa cánh tay lên để cài hàng cúc áo dài, cái nồn nóng bức bội càng làm cho tôi ướt đầm mồ hôi cùng lúc mắt mình muốn khóc. Tự giận mình với giấc ngủ quá trưa một mồi, sợ bà chị đợi lâu tôi đến chiếc xe lam thay vì đi bộ sớm hơn được năm phút.

Chuyến xe đông nghẹt tôi nói nơi mình xuống và ngồi ghé bên ông ta, xuống xe tôi đưa năm đồng và nói gửi bác, ông từ chối thôi cô cắt đi và cho xe chạy thẳng. Có lấy lại về thư thái, chứng chắc tôi càng nghe mình lúng túng bức bối, sao không bỏ buổi hẹn cho nó qua luôn, ý nghĩ này có từ lúc tôi nghe được hương vị trong tôi lan tràn trốn thoát, không gì mặc cảm bằng cảm thấy mình dơ dáy. Bà chị chưa thay quần áo và diêm trang gì cả, tôi chọn cho mình cái ghế khuất góc tường được che bởi những bao thức ăn gà.

Con ngủ vừa rồi chưa làm cho tôi hoàn toàn bình tĩnh, một lúc nào đó nghe hơi nóng hầm hập, bàn tay vuốt mặt nghe mồ hôi từng dòng loáng thoáng không rõ rệt chạy dài. Chiếc quạt cầm phe phẩy liên hồi, vút xuống thêm thiếp vào giấc ngủ tiếp, cứ chỉ đi lần vào quen thuộc của mỗi trưa, thức giấc mà không thể nán lại trên giường, xách chiếc thùng múc nước vào nhà tắm, gọi nhà tắm cho oai, thật ra chỗ đứng vừa vặn khuỷu hai tay xoay tròn, được che những miếng ván vụn cùng những chiếc thùng thiếp đập thẳng ra, đứng hờ đầu, hờ đuôi và nhất là cánh cửa đóng không đủ kín.

Một lần đang tắm tôi giật mình một bàn tay thò trên cửa xách chiếc áo. Tắm thì ta lấy cái áo che chỗ này lại nè, ở ngoài nhìn vô thấy hết, chẳng sao đó là bà già tuổi đáng bà ngoại mình mà giả thử có ai nhìn đi nữa, người xấu hổ đâu phải là tôi mà là người cổ nhìn thấy. Cũng vì mang ý nghĩ đó mà mỗi lần tắm tôi ít bao giờ làm theo lời bà Hai dặn, tuy là lúc đó có nhớ; cũng có lúc buổi trưa đang tắm tôi nhìn ra khe cửa, thấy thằng bé độ mười hai, mười ba tuổi, nằm trên chiếc sập hằng ngày các bà trong xóm tụ tập đánh bài, mó đang ăn chè, gói trong túi nylon, và nhìn vào.

Cái nhìn của tôi không làm nó lúng túng và thay đổi chiều hướng, tôi đành chịu thua và lấy khăn tắm che lại. Sự gai óc xâm chiếm cơ thể, không phải tôi xấu hổ vì thân thể mình đã có người nhìn lên dù là thằng bé

con, mà ghê tởm, lợm giọng hôm đọc trong tờ nhật báo đa số bệnh hoa liễu mắc phải từ các cậu bé choai choai, mười ba, mười bốn tuổi, tôi giật mình không lẽ họ nói láo, con nít chừng đó tuổi thì biết gì đến chuyện làm ái tình; mà trường hợp có biết đến đi chẳng nữa, thì chúng nó làm ái tình với ai bây giờ. Tôi cảm thấy như mình đi quá xa, với số tuổi chưa hơn chúng nó một con giáp, ngày xưa mười sáu, mười bảy tuổi tôi mới biết vì sao mà má tôi có em trong bụng khi tắm xong đi ra thì thằng bé đi đâu mất dưới đất còn lại túi nylon có cột sợi thun màu đỏ. Và cũng từ đó tôi bỏ buổi tắm trưa để nghe mình đang xua đuổi cái gì quen thuộc. Mùi cảm gà làm tôi khó chịu, cái khó chịu nuôi tức hươu vị đã qua một thời chịu đựng rồi chìm lìm mất tăm.

Lần đầu tiên đến đây hôm đó có anh Phan tôi nghe cái mùi gì quen thuộc không tên vậy bủa chung quanh, làm tôi rạo rức, lục lạo trí óc mình, càng tìm kiếm nó càng cao xa nhồn nhơ. Hồi quá là hồi! sao cô không để ngoài hành lang kia mà bán kia, thế mà cũng chịu được. A! Phải rồi mùi phân cá, bốn rau cải mà mấy tháng rồi tôi xa cách, nay người lại! cái mùi từ từ tựa tôi muốn ngay từ giờ, được bay về thành phố để thấy nhiều lắm tuần lễ tắm hai lần.

Cứ ngồi thế, tôi nghe cảm giác con văng vắt chưa giải tỏa, tôi cũng không dám nghĩ tiếp hai chị em chiều nay hẹn nhau đi chơi một nơi chưa định trước, với tôi chiều nay đứng đi đâu và làm gì hết. Dưới nhà tiếng con Mỹ khoe với bà chị, nó mới khám phá chỗ bán nhân nhục ngon, vừa rẻ năm đồng một ly, đôi bà chị xuất tiền bao. Tường bao cái gì, bao cái đó có năm đồng một ly chị chịu gấp mà Mỹ có bảo đảm không. Em sành một cây mà chị Hòa, Mỹ lên hỏi chị Khuê uống gì!

Tiếng guốc lệt xệt khéo dài tiếng động đặc biệt khi Mỹ đi chuyển, tất cả ai vào nhà cũng phải bỏ dép, còn Mỹ không những không bỏ dép, mà còn đi guốc, nó nói — Em thấy đi guốc sướng hơn nhất là ngoài đường tha hồ mà lết, lúc đó Mỹ thấy Mỹ cô hồn ác; để diễn tả cái cô hồn nó càng kéo dài thườn thượt như ốc, may là nhà rộng có chỗ mà lết guốc.

Tôi nói mua cho chị Khuê đậu đỏ đi, Mỹ đi rồi tôi muốn nói với chị Hòa, chẳng sao, thích làm ra vẻ cô hồn mà lại khoái mang guốc chưa hại bằng mặc váy ngắn mang ủng nhưng tôi ngồi im nghe hơi thở từ lồng ngực thổi thóp. Khi mức những hạt đậu đưa lên miệng tôi nhai lúng búng nhặt phèo có vậy mà cũng quăng cáo rùm beng. Nghe chị Hòa vừa nhai vừa nói chiều nay đi không được vì bà ngoại mệt, lác nữa chị phải vô ngoại, một cái gì đó trong tôi nhẹ nhõm, tuy thế tôi cũng không nói ra ý nghĩ của mình.

Ăn hết ly đậu đỏ chị Hòa cũng vừa xong bao cám, phân ra từng kilô. Có tiếng một thằng bé từ ngoài cổng vọng vào — Bán cho hai ký cám số 3. Tôi nói thôi em về, bữa nay tự nhiên em thấy lười, hồi này vừa đến thấy chị chưa thay quần áo mừng ghê, em nghĩ là chắc không đi mà đúng thật. Hay Khuê vô ngoại với chị, lâu ghê chưa vô thăm ngoại à nghe, lúc vô coi chừng bị chửi. Ra đến cửa tôi không thấy đôi guốc của mình — chị Hòa guốc của em; — Chắc là con Mỹ đầu, hai chị em tìm dưới những bao cám. Không thấy đâu hết, thôi mang giày của chị đỡ vậy, chân chị em mình một cỡ mà, chị Hòa nói và đưa đôi giày gót nhọn màu đỏ, tôi đi vào nghe như đôi chân lao xao lạ hoắc, cảm xác lên tay đi ra cửa tôi nói với — không chừng ngày mai em vô ngoại.

Ra đến đường tự nhiên tôi khoái một mình lang thang trên vỉa hè Lê Lợi. Tôi nghĩ ngay đến quyển sách của nhà văn Nhật, giải Nobel 1968, quyển sách đã làm chấn động giới văn học nghệ thuật vì bản dịch Việt ngữ bị cấm xuất bản. Tuy thế tôi vẫn đi ngược đường về nhà. Con mưa thỉnh hình ập xuống xối xả, không còn bao xa nhưng không thể chạy thoát được cơn mưa để đến nhà.

Đứng dưới mái hiên tôi nghe da thật thấm lạnh, bên một cánh tay và ngực áo dính vào da, chiếc áo trong hần rỏ, nôi tục tiêu xam chiêm, chiếc xác tay bé bỏng không che dấu được gì.

Mưa mỗi lúc càng lớn, đường phố không một chiếc xe, những đứa bé trai gái lẫn lộn

con trai mặc quần đùi, phần nhiều là màu tời tời là màu đen nhưng không đó là màu xanh, cái màu của những chiếc quần lót lính Mỹ được cắt xén lại.

Chứng chạy từng đàn tằm dưới mưa, những thân hình dất cát loang lổ của mỗi trưa đi qua, những bàn tay khẳng khiu, níu kéo chọc ghẹo giờ được nước mưa gội sạch, tôi không còn nhận ra chúng. Niềm ước mơ thơ ấu không bao giờ được toại nguyện tắm dưới mưa, tôi không nghe mình thêm thường ao ước được bé lại. Đành rằng niềm ao ước cao xa trên thính không, cánh tay có mọc dài ra... dài ra nữa cùng lúc khối óc này lớn theo, làm sao ai có thể với được, tri hoản, níu kéo thời gian dừng lại.

Cảm giác trong tôi để thấy mình lớn, huyền thoại về một cô tích đi qua xa với thời đại đôi lúc cũng cảm nghĩ xa xưa dừng lại để thấy — sao hồi đó mình quá ngu, cái gì cũng tin được, giờ thì hết, ước mơ ngày bé chết lịm, nghe chừng đầu óc của tôi không phải thân xác mình. Cái gì đó lao xao, loạng choạng vùng sỏi đá không tên. Ngày xưa mẹ không cho tắm dưới mưa vì mình là con gái sanh và lớn lên trong thành phố buổi sáng có sương mờ chần lỏi, có rừng thông trước nhà, màu thâm đen hùng vĩ oai nghi, làm mình khiếp đảm tưởng chừng bị nuốt chửng, cuốn hút mất tăm, rừng thông mang trong trí nhớ cũng ẩn tượng luôn thấy mình bé bỏng, yếu đuối. Nay không còn mẹ bên cạnh nghe lời ngăn cản — Nghe lời mẹ đi Khuê! con không thấy lạnh sao, với lại con gái ai mà tắm như thế.

Lớn lên với không còn một huyền thoại nào lay chuyển, ẩn tượng màu thâm đen rừng thông trước nhà tan loãng và biến mất theo mơ mộng tuổi con gái, lững thững vùi khu đồi, chấp choạng giờ rảnh rỗi tìm kiếm xếp đặt cho mình một chàng trai sẽ thấy nàng công chúa ngủ trong rừng.

Thêm một người lính dừng xe, núp mưa, ông có lối nhìn bình tĩnh khi thoáng dừng lại trên người tôi, tôi muốn có một thái độ khinh khỉnh đáp lại, chẳng ích gì, tôi cố tạo vẻ thần nhiên như không có sự hiện diện của ông ta. Mưa càng nặng hạt trên mái tôn, tiếng reo vui liên tục xối xả, âm thanh không còn phân biệt được tiếng động nào đâu đó gây ra. Mái hiên với bốn người tất cả, chị bán nước mía ôm đứa con gói trong chiếc khăn tắm lớn, mới tôi tưởng đứa bé đau, lác sau nó vùng dậy và nói. Má ơi con muốn tắm. Người mẹ ôm con vỗ về

NĂNG

như thế đứa bé lên một, hai tuổi. Không được đâu con, con nóng đầu rồi nè, tắm mưa như mấy đứa nó, con đau cho coi!

Đứa bé gái độ lên 5, khuôn mặt nổi bật nhờ ánh mắt tinh anh, lông đen thật là đen, tròn xoe, dưới hai hàng mi cong vút rậm xỉ, nó nhìn đàn trẻ với vẻ thêm thường ao ước, tôi nghĩ giá tôi có đứa con như thế chắc tôi sẽ gục đầu để thấy lớn lên nó đầy đủ no tròn và mãn nguyện. Người mẹ nhìn tôi cười và nói cháu ngủ mới dậy chạy ra đây định kiếm cái gì ăn, mắc mưa.

Tôi cười với chị và nhìn đứa bé gói tròn trong chiếc khăn. Nhà chị gần đây. Đà! Bên hông này nè cô, tui mới ép mấy cây mía định bán buổi trưa, trời mưa xuống rồi đời buổi bán, bán chỉ nhờ giấc này à cô, giờ người ta đi làm và buổi chiều tan sở. Đứa bé đòi về nhà, chị bỏ con đứng lên ghé chèo lại chiếc khăn, dơ chiếc nón lên cao và nói có ngồi lên cái ghế này nè, chắc mưa còn lâu. Chị nói và chạy mất.

Người lính cởi áo mưa ra tự hỏi nào, ông ta nhìn ra đường tay quay quay xâu chia khóa, nhìn hai bàn tay tự nhiên tôi nghĩ, tay ông ta không đeo

thần. Nhìn xuống bàn tay mình, vuông đa thật
nặng, ăn sâu trên ngón tay áp út lõm mờ dấu vết của
một chiếc nhẫn, tôi vẫn nhìn rõ, tuy chuyện xảy ra
đề chừng đã gần một năm. Một năm với thăng bằng
ở mãi đầu mút, dù bao lần tôi cố gắng níu kéo
về phía mình để thấy đáng đi không xiêu
vẹo đồ ngã như ngọn đèn chao trong gió, vẫn
chưa quên lãng được trong tôi, dù bây giờ nơi
tôi đang hàng ngày góp mặt không có một hơi
thở anh để lại, không một dáng dấp đi qua, không
một cái gì hết nung nấu gần liền tiềm thức để
thấy rằng một cử chỉ tầm thường, quen thuộc
của anh đã làm tôi không thể chối bỏ với chính mình.
— A! Con này chưa có ai đi hỏi, cưới mà nó
dám có nhẫn đeo! Đưa tao coi, đưa tao coi, nhẫn
của thằng nào cho mày!

— Tôi nghiệp con mà ngoại, ngoại nói nhỏ
nhỏ, nhẫn của anh Thúc đeo cho con, tụi con lỡ
thương nhau quá rồi ngoại à!

— Cái thằng đó dám qua mặt tao; đeo nhẫn
cho cháu ngoại của bà.

Ngoại đã ôm tôi vào lòng, cầm bàn tay nhìn
chiếc nhẫn và hôn lên đó như Thúc đã hôn lần
đầu tiên đeo vào ngón tay.

Tôi đã khóc thật nhiều lần xin ngoại nói
dùm với ba má cho chúng tôi được yêu nhau.

Ngoại đã không giúp được gì cho chúng mình
vì ngoại đã sớm đi vào vùng yên nghỉ mà anh và em
không hề nghĩ đến. Được tin ngoại chết anh khóc thật
lớn, kêu gào khản cổ, em cũng không hơn gì. Không
phải khóc vì ngoại vĩnh viễn nằm sâu lòng đất,
mà khóc chiếc phao giữa dòng cổ thấp sáng lên
môi, lên mắt, lên óc những tia hy vọng chói
sáng (chỉ còn tia sáng sức sống chột với ngập
lặn vượt qua, bắt tìm, nắm giữ, một phút chốc
không còn là gì hết, như chiếc bóng lăn tròn,
kêu lên một tiếng mất tăm, tan nát; không còn
gì để lại ngoại một thân xác). Không còn ai
hiều chúng mình bằng ngoại, giữa thế hệ già
và trẻ sao lại có được niềm cảm thông chân
thật, còn thế hệ giữa: choai choai chỉ là đám bèo
trôi dạt diêm tồ cho mặt hồ và ngăn cản dòng nước.

Anh đã lớn tiếng khinh miệt ba má em chỉ
vì em là cô tú con anh với bộ quần phục không
một cái gì diêm tồ cho ve áo, chiếc nón, rồi
anh bỏ ra đi, ném xuống mặt hồ diều thuốc
lá vừa đốt. Diêm đốt sáng trong em cũng
theo đó tắt lịm, tình yêu không thể là mặt gương
cho anh soi thấu vùng yên nghỉ an lành.

LÊN CAO

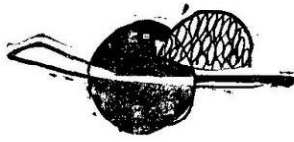
Sau đám lửa tắt lụi, giá từ mặt hồ đám bèo
rong rêu anh phi nhỏ, ngoại lại gặp anh ở bên
kia lòng đất, ngoại chỉ vui có một nửa vì có anh
mà thiếu mất em, anh có thể là cháu rể, chứ không
thể tranh cướp ngôi em làm cháu ngoại với vĩnh
van xin, khóc lóc.

BÊN ngôi mộ mới vun đất hãy còn lác đác
vài cành hoa Huệ. Ngọc nhặt hết các cành
hoa bỏ vào chiếc giỏ bên cạnh. Khang ngồi bóp vụn
từng nắm đất trên tay một vùng đất quanh nang
nhuộm vụn đều đặn, khăn tang hai đuôi bỏ thông
quét dưới đất cả tấc.

— Không biết lúc chết mặt anh Thúc ra sao
hà chị Khang.

— Chắc là ảnh buồn lắm! Mà ai chết lại không
buồn. Khang nói với Ngọc mà với giọng nói cho
chính mình nghe. Ngọc nhường mắt nhìn Khang nói
gì, chỉ nghe môi mấp máy gió tạt liết cả lời con bé
nghĩ thế, nó nhìn cặp mắt đỏ hoe không dám hỏi lại
sợ chị Khang nổi quạu cú đầu như mọi ngày.

TIẾNG HÁT TRONG NHÀ MỒ CÔI



BÚT KÝ CHIẾN TRANH CỦA

PHAN LẠC TIẾP

Con đường đất lùn nhon những cục đá tai mèo
nằm dọc theo giong sông. Đất lùn. Có nơi bờ sông
ăn hoắm vào làm mất một phần ba con lộ. Nhà cửa
thưa. Có căn nhà mái tôn, vách kết bằng những
miếng bìa lấy từ cái thùng đựng đạn. Những
cây cầu nhỏ, cột bằng các ống trái phá ghép lại.
Bên kia sông song song với con đường này là các
căn cứ quân sự. Giấy thép gai, cọc sắt hoen rỉ
căng đầy. Dòng sông thì buồn. Cỏ mọc lên ra ngoài
rìa nước đỏ đầm. Đó là con đường tôi đi tới thăm
nhà Mồ Côi Bình Thủy. Nhà Mồ Côi của các trẻ
em nạn nhân chiến tranh. Buổi chiều vắng, gió mát.
Tiếng đại bác nổ ở phía xa, tiếng máy bay ỉ ầm mơ
hồ vọng lại. Trong cái im vắng ở dưới lá, tôi nghe
như vương mắc môi vị chiến tranh. Sự bị thảm
như bao quanh, dày đặc cảnh vật. Trong vắng lặng
tôi nghe như có đầy tiếng nức nở. Tôi như nhìn
thấy ăn lượn những thầy ma, những vẻ mặt khiếp
hãi, hốt hoảng. Tôi như còn thấy cả cái nóng bừng
của lửa đạn, của nhà cháy. Và tôi thấy có những
tiếng trẻ nhỏ khóc ỉ oa, tiếng kêu than thốt sặc
nhộn của người mẹ trẻ. Tôi thấy những bàn tay
hồng quờ quang tuyệt vọng trong cơn khiếp hãi,
kinh hoàng. Những đứa trẻ bị thương, bị lạc. Cha
mẹ chúng đã chết, đã biệt tích trong chiến trận. Bây
giờ còn gì. Bây giờ là những nền đất nóng bỏng
còn âm âm khói bay. Bây giờ là những người lính
mệt mỏi ngồi dựa lưng vào gốc dừa cụt lả.

Súng đề trên dùi, và tay bế những đứa trẻ
thơ. Chiến tranh thực sự ở đó, chiến tranh đang ở
ngay trên tay người lính này, đang ở ngay trong
lòng người ấy... Những đứa trẻ ấy đã được đưa
về đây. Người lính quay gót giày bùn đất đi miết
theo tiếng súng, cúi đầu để nước mắt nhỏ trên
đường màu bùn thấm đen như máu. Các trẻ thơ
ấy ngo ngắc từ giã đôi tay người lính để lại ở đây,
trong căn nhà mồ côi này mệnh danh là Nhà
Mồ Côi Chiến Tranh Bình Thủy. Và tôi đã tới đây.

Buổi chiều đang xuống chậm. Những luồng đất
phủ là dừa khô. Con đường gạch nhỏ dẫn vào một
biệt thự cũ, vẻ hoang tàn còn thấy đầy trên nền
nhà và vữa, trên bức tường lở được chít lại vụng
về. Tôi bước vào và tôi đứng lại. Những đôi mắt
nai sáng to long lanh nhưng sâu thẳm bóng chiều. Ngoài
trời đã tối. Tôi ngồi xuống bên mép giường nhỏ.
Em bé độ mười tuổi đã say ngủ.

Một chân gác lên chiếc nạng gỗ. Chân còn lại
không phải thế, khúc chân còn lại một màu trên đầu
gối nằm cụt ngắn trên nền chiếu. Vẻ mặt mệt mỏi,
miệng há ra như nhai. Bên thành giường cái chân
giả dựng với vàng còn mất cả cái quần xanh học
trò xô xuống bàn chân gỗ. Tôi lắc đầu. Cái chân
đứng đó như canh chừng giấc ngủ cho đứa trẻ này
thôi. Tôi cầm cái chân lên. Cái chân rỗng, nhẹ hồng.
Khớp khuỷu chân khật khùng bắt vào một cái vít
dài. Cái quần xanh còn bung biêng đây, dính vào
cái chân giả này. Không hiểu sao tìm tôi như gặp
lại. Chân tay tôi nổi gai và như muốn xiu.

Tôi thở ra từ từ nhẹ nhàng và để chịu trở
lại. Tôi nhìn lại khuôn mặt thơ ngây đang say ngủ.
Bóng tối đã phủ lên một phía. Ngoài trời đã tối

đen. Cây ngoài vườn ỉ rừ từng khối lớn âm u.
Tiếng chim kêu đầu đó trên hốc nhà. Những con
đom đóm bay ngoài cửa sổ. Đêm tối đến đó. Nỗi
cô đơn ở đó, bao quanh căn nhà mồ côi này. Tôi
vỗ nhẹ vào cái chân lạnh lạnh khẽ gọi đứa trẻ dậy.
Nó ỉ ồ kêu hoảng trong giấc mơ: "Má... má... ỉ".

Tay tôi khựng lại một khắc. Tôi nghĩ nó đang
gặp lại mẹ nó trong giấc mơ. Tôi cầu mong cho
giấc mơ ấy là giấc mơ đẹp để. Nhưng
đứa trẻ đã từ từ mở mắt, bờ mắt nhìn tôi. Tôi
cười và nói: "Ngủ say quá hả em. Em vừa mơ
gì thế?". Đứa trẻ không trả lời tôi. Nó ngồi nhòm
giấy hốt hoảng nhìn ra ngoài cửa. Tôi nghĩ giấc mơ
của nó chưa tan. Đợi một chút tôi hỏi nó: "Em
vừa mơ thấy má phải không?". Đứa trẻ ngồi im,
cúi đầu không nói. Tôi cũng ngồi im. Có thể nó
đang bàng hoàng nhớ lại phút giây sợ hãi khi trận
chiến lan tới khu xóm của gia đình nó. Có thể nó
nhớ lại lúc mẹ nó đi đầu đó trở về. Mừng vui biết
bao nên nó đã ngủ im. Một hồi lâu sau đó. Đêm
đã đầy. Tôi hỏi: "Ba má em đâu?".

Đứa trẻ ngược nhìn tôi và nhỏ lệ. Nó nói
khẽ: "Em không biết nữa. Khi em bị thương
được anh lính bế lên tay mang ra khỏi nhà. Em
ngóanh lại chỉ thấy lửa cháy..."

Đó là một buổi chiều. Buổi chiều đầu tiên
tôi tới đây giữa thị trấn Miền Tây của châu thổ
Cửu Long này. Từ đó quanh tôi lúc nào cũng
đầy những bi thảm của trẻ thơ. Tôi đã nghĩ
đến cuộc chiến. Cuộc chiến bao giờ sẽ hết. Tôi
cũng đã nhớ đến các con tôi. Tôi cũng là một
người lính nghèo nhưng những đứa con tôi còn
có mẹ, có cô, có bác, có ông bà và có tôi, bố
của chúng, tuy ở xa nhưng lúc nào cũng nhớ...
Tôi nghĩ đến con tôi, tôi nhớ đến những đứa
trẻ bất hạnh kia và tôi đã đến đây nhiều lần
thăm chúng. Tôi cũng đã góp công vào việc mua
cho chúng một chiếc máy truyền hình, và một
sổ đồ cần dùng khác.

Buổi tối sau ngày chúng có máy truyền hình,
tôi cũng đã đến thăm. Tôi ngồi giữa những trẻ
thơ này. Bóng tối vẫn đầy ở ngoài vườn cây. Bóng
tối che lấp cả cái nạng gỗ và cái chân giả nhẹ hàng
dựng trong góc nhà. Bóng tối cũng làm mờ đi những
đôi mắt sau tấm bóng chiều u ám vang tiếng
hát. Những đôi mắt ấy đã cùng nhìn về một hướng:
khẩu ánh sáng vui tươi trước mắt. Ở đó có
tiếng hát, có những nụ cười. Khuôn ánh sáng ấy
đã làm những khuôn mặt kia nở nụ cười. Và từ
đó, trong căn nhà mồ côi này có âm vang tiếng
hát. Tiếng hát vụng dại của trẻ thơ. Tiếng hát chim
non chuyền cành. Tiếng hát xóa đi những buồn tủi.
Tiếng hát khóa lấp cả cái bóng tối đen thẳm sau lưng.
Tiếng hát thiên thần. Tôi cầu mong tiếng hát có cả
trong giấc mơ của chúng. Giấc mơ của những cánh
tiên có đôi cánh đẹp bay lượn trên những cánh
đồng xanh tuổi ngọc.

Thị Trấn Miền Tây 28-6-69

— Đến bây giờ em cũng không thể nào tưởng
trượng ra khuôn mặt anh Thúc, má nói anh Thúc và
chị giống nhau nhất, anh Thúc cũng có cái nốt ruồi
to ở ỉ tai như chị vậy hả!

— Con Minh nó nói anh Thúc chết không toàn
thây mà toàn thây là gì chị Khang.

— Là chết thân thể không nguyên vẹn như hồi
mấy bữa Ngọc đi coi lượm xác ông Mẫn chết vì
lựu đạn nổ.

— Mà chị Khang ơi! Rồi trong hòm của anh
Thúc có đủ tay chân không. Chớ ông Mẫn em nghe
Bác Năm nói thiếu thịt đầu, thịt đùi.

— Chị cũng không biết được người ta liệm rồi
mới chôn về.

Giờ mỗi lúc càng thôi thúc thôi phân phật, bặt
nằm nhang nghiêng hần một bên, ngọn lửa bốc cháy
trong gió, Ngọc quỳ xuống thôi nằm nhang, như
được dịp ngọn lửa càng bốc cao, bốc cao. Cô bé
hoảng sợ mặt huyền thoại ma quái nào đó sống lại
kịp lúc, mặt cô bé đỏ hơn ánh lửa và hét lớn
— Chị Khang!

Khang nhìn nằm nhang cháy trong gió gần hết

(XEM TIẾP TRANG 10)

<https://tieulun.hopto.org>

NĂNG LÊN CAO

(Tiếp theo trang 9)

một nửa làm sao bây giờ. Nhớ mẹ vẫn dạy và làm khi cũng không được đưa miệng thổi nhang đèn, năng lết lại tách thè nhang ra làm hai đứng dậy vung lên vù vù. Đóm lửa tắt chỉ còn lại đầu sáng cây nhang.

— Chỉ Khang nè! Minh thấp cho anh Thúc một nửa còn một nửa chỉ đưa em đi thấp các ngôi mộ gần bên anh Thúc.

Khang nhìn em niềm thương sót dâng lên tận cổ cô bé sống trong sung sướng với vinh tinh thương của người bác không con, nếu không vì một tư lợi nhỏ nhen xích mích giữa anh em, có đâu ngày nay Ngọc bao lần bệu bạo khóc vò xó cửa ngồi mỗi trưa thức giấc không có gì ăn vui miệng. Nhớ bữa ăn Khang không sao quên được với đĩa rau luộc, đĩa nước nắm lỏng bông với vài miếng trứng của bữa ăn trước còn lại.

— Ngọc ôm chén cơm nhìn mâm cơm khố đói có canh mới chịu ăn. Mẹ năng cổ nhằn nại vồ vè con như an ủi cản ngăn dòng nước mắt mình chực trào. Không dẫn được ba năng dẫn chén cơm qua cửa sổ—Không ăn thì đồ đi! Muốn ăn ngon mặc sướng thì ra khỏi nhà—Sau tiếng hét ông xô ghế bỏ đi biệt tăm hai ngày, khi trở về khuôn mặt tái hắt, đôi tay run rẩy, cái làm lì ít nói càng thể hiện khiến ông như chiếc bóng trong khung cửa, chiếc bóng không im lìm thanh thản mà khua động trên mặt hồ tiềm thức trong mẹ con năng.

Khang hiểu ông không bằng lòng với chính mình, không phải vì cái mơ ước cao xa quá tầm tay, mà vì các con quá làm lu, cực khổ. Tấm gương trước mặt không muốn nhìn cũng tự nó áp vào mắt soi thấu nỗi bất lực tận cùng. Bởi bất lực mà ông không thể nào vươn lên được, vì ông biết là ông không thể nào xoay hiện tại qua chiều hướng xa xưa của mấy năm về trước, của mỗi sáng đến sở trước khi vợ mua cho tờ mi Quảng ba đồng, ông nhìn ba đồng của buổi ăn sáng thấm giọng hương vị ngọt ngào cay cay xen lẫn cộng xa lách, bắp chuối, cộng giá, cái dẫn bụng yên đã suốt một buổi làm, ông nghe như mình là nhân vật của một cổ tích nào đó khi kể lại điều này với các con nghe.

Ông không nói ra bằng lời. Khang thấu hiểu ông qua khe mắt, ánh nhìn, niềm uất ức trong cái im lặng cứ chỉ, hình dáng. Khang muốn đi gần với ông hơn nhưng sao cái im lặng cố hữu là đầu dây mối nhợ hai đầu nút không thể gặp làm đôi gặp nhau trên một điểm.

Những khi ông hỏi Khang có quyền sách nào hay đưa ông đọc, Khang muốn nhận đó nói thiệt nhiều với Ba, nói bất cứ cái gì, nhân vật trong cuốn sách ông sắp đọc, một điều đáng trong báo về cái tờ Nội Các, chính phủ tăng lương quân nhân, công chức hay một tin vui nhộn kềm nhèm không đáng đăng tải. Khang chỉ cần nghe ông nói cũng như nghe mình nói có đối tượng trước mặt, chứ không nghe mình nói với tâm tư tận đáy lòng.

Nỗi cách xa vẫn rời rạc bao trùm vây bủa. Có hôm Khang lục chiếc cặp của ông thấy lá đơn xin nghỉ việc với lý do gia cảnh tiền lương không đủ nuôi sống gia đình. Lá đơn ám ảnh Khang suốt ngày đêm năng đề ý dò la xem ông có dấu hiệu nào lạ khác trong cử chỉ, hôm sau lá đơn viết lại gọn ghẽ, kèm theo câu tôi phải đi làm ở Mỹ mới hy vọng các con tôi có thể tiếp tục học. Khang đợi chờ ở Ba một câu nói quyết định cho chiều hướng xoay ngang gia đình, ông vẫn im lặng, im lặng theo lá đơn xếp gọn trong chiếc cặp của năm tháng.

Phải chỉ anh Thường còn sống với số lương thiếu ứ nhân nhện hàng tháng gọi về giúp ông coi

xách đầu vô lính. Khang nghe một cái gì chưa xốt len lên trong hồn.

Ngày anh Thường chết Khang thấy mình tựa như chìm đắm trong giấc chiêm bao khoái lạc mãi đến hôm mở cửa mà Khang cũng không biết mình tỉnh hay mê và anh Thường chết thiệt hay là sự nhầm lẫn. Giờ anh Thúc nằm đây Khang thấy mình thật tỉnh, cái tươi tỉnh sáng suốt Khang chưa bao giờ có Khang muốn nói với Ba, mà trong cái chết anh Thúc chính con đã đóng góp một phần, nhưng sao sự tỉnh táo giữ năng im lặng.

Chắc anh Thúc giúp Khang giữ im lặng. Anh Thúc ơi! dù anh bảo em im lặng em vẫn không sao nguyên rửa người con gái đã là một động cơ thúc đẩy anh rời xa thành phố. Khanh nhớ rõ buổi sáng thật lạnh, sương bay là là ướt cả sân, không khí không thoát được mang về âm u truyền kiếp Khang nhặt quần áo ngoài sân, thấy buồn buồn hồi đầu ba má cãi nhau chỉ vì mới hai mươi mấy tuổi nhà hết tiền, bé Ngọc quen sung sướng với vinh khố cả ngày, một trận đánh úp chụp tưới tấp lên đầu con bé ngay đó, nỗi uất ức không lối thoát được dịp giải tỏa lên đứa con, ông nguyên rửa vợ con, hạch tội từng đứa, kêu lên như giờ thì vãn đáp, Khang cứ để con sợ hãi, khiếp đảm, phủ phục an nhiên chìm lìm theo cái ngã không thể nào thoát được.

Ngồi với thau quần áo Khang thấy mình không là gì hết, một lúc Khang nghĩ mình không phải là người không là vật mà cũng không cây cối, cảm giác chết tiệt, cứ động trên thân xác không phải của mình, đầu óc lỏng lẻo không khí, không đẩy áp một suy nghĩ gì chưa được dịp thoát thai, cũng không trống rỗng an lành niềm hạnh phúc.

Khang đâm ra lo sợ đầu óc hư hỏng, suốt buổi sáng Khang cứ lắc đầu để nghe cái gì lỏng lẻo lung lay từ tiềm thức thoát thai. Đúng lúc đó Thúc đi vào bằng lối sau—Sao giật sớm quá vậy! Hồi đêm anh không về ba có nói gì không! — Không? Hồi đêm anh ngủ đầu — Ngủ gì! Anh nói riêng em điêm này, chỉ còn vài hôm nữa anh đi, giấy tờ xong cả rồi!

— Nhưng ít ra anh cũng phải nói với ba má.

— Điều đó dĩ nhiên rồi, nhưng anh muốn khi nào ra đi anh mới nói với Ba.

— Em vẫn biết là anh muốn thoát gia đình, điều đó em không phản đối cho lắm, nhưng sự ra đi này lý do vì gia đình hay vì chuyện tình của anh với Khuê?

— Cả hai! nhưng động cơ để anh dứt khoát là chính gia đình Khuê, anh yếu đuối ủy mị quá phải không em, chính anh cũng tự trách mình, nhưng khi về gia đình thấy ba má cứ cãi nhau anh lại thấy mình ra đi vì gia đình, đôi lúc hay nói cho đúng, lúc sau này anh sống như kẻ không đầu óc, lười biếng tất cả, anh không biết là anh làm gì và nghĩ gì, cứ động, đi đứng: ăn vò, cho ra chỉ là một cái máy. Mà thay đổi thì thay đổi cái gì đây hở Khang! Sống như thế anh thấy hằng ngày bao lo sợ khúc mắc vây bủa khiến anh ngột thở, lười biếng, anh thấy như tựa anh là kẻ sát nhân lúc nào cũng ám ảnh bởi chiếc công cảnh sát. Anh cần phải có một cái gì khác hơn chứ không thể với đầu óc ý tưởng mỏng lung huyền hoặc kéo dài đến chết.

— Chắc vì sự ra đi giúp anh thay đổi theo ý muốn.

— Anh đã nói nếu đòi hỏi thay đổi thì mình thay đổi cái gì đây chứ. Mà anh cũng không biết được là anh muốn gì, em thấy chưa.

— Như vậy chẳng khác gì anh tự dẫn mình vào ngõ bí khác.

— Chính vì thế mà anh ra đi còn hơn là ngồi nhìn những khúc mắc, kềm hãm, vây bủa úp chụp bất cứ lúc nào, mà ác nỗi nó cứ lần dần như bóng ma ám ảnh.

— Anh nhiều tưởng tượng quá hèn chỉ đầu óc chẳng lớn xộn, hư nát, mà em cũng mong anh đi. Nếu em là con trai, em cũng đi rồi, giờ đành chịu, nhưng em không an phận đâu! Khang nắc lên vò cúi xuống đánh bàn chải xan xát lên chiếc quần

vì gia đình, vì anh Thường đã chết, vì anh hư hỏng mà cố giữ danh dự gia đình.

Khang ngẩng mặt nhìn anh cười thật to, tiếng cười rung rợn. Khang nghe mình cười như con gió lốc thốc đám cỏ rác giấy má bay loạn xạ ngẫu lên không, mặt Thúc dài hẳn ra trong chiều nghiêng, lối nhìn của Khang thấy thâm nào tội nghiệp.—Em đã làm gì đâu, hay đứng ra mới nuôi mộng, trong thời thai nghén không có thời gian hạn định để thành hình, Khang thôi giật ngời im nhìn anh, em nuôi mộng làm ca sĩ, em hát không hay điều đó em biết, nhưng anh hãy nhìn em với lối nhìn không phải của anh Thúc nhìn em gái tên Khang, mà anh phải nhìn đứa con trai nhìn đứa con gái. Em cũng dễ coi không đến nỗi nào phải không anh; sỡ dĩ em nuôi cái mộng ca sĩ vì em biết dễ kiếm ra tiền, với em lúc này chỉ muốn có thật nhiều tiền, rồi không biết em có vui, có hạnh phúc có những nỗi buồn ao ước chưa thành tựu như giờ hay không, nhưng em biết ngày đó em không còn là Khang em gái của anh.—Anh Thúc! Khang đưa hai bàn tay lên ôm mặt khóc, bọt xà bông làm mắt năng cay xé, khi nhìn rõ lại cảnh vật thì anh Thúc đi tự lúc nào.

C O N đường dẫn đến Nghĩa trang vắng ngắt hai bên đường có mọc lên đến gối lan ra cả lối đi. Khuê đi giữa con đường loạng choạng vì cơn mưa của nhiều ngày đêm liên tiếp để lại lớp sỏi dưới chân rêu xanh nhầy nhụa. Nghĩa trang quân đội nằm riêng biệt một góc, những tấm bia có hình dáng và màu sắc đồng loạt nằm ngay hàng thẳng ìp.

Khuê nghĩ là buồn lắm. Khuê đột thè nhang khi cầm lên đầu mộ, năng không biết là nên khấn điều gì. Khuê nghĩ với anh Thúc năng im lặng. Im lặng là hơn hết, kể từ giờ này, những lời đáng kể từ hai đứa đã kể, khác than hằng ngày, hằng buổi, hằng mỗi lần gặp mặt, cũng như sự ra đi của anh năng cũng im lặng.

Đôi lúc Khuê sợ anh Thúc không hiểu cho là Khuê ác. Khuê chỉ thấy anh cũng im lặng nỗi im lặng không nặng nề, khắc khoải, ngại ngốc khó thở mà năng cũng không sao nghĩ tiếp để kiếm một danh từ định danh.

Ngồi mộ với ba người ngồi thành hình tam giác chỉ có Ngọc thần nhiên nghịch đất. Khuê không còn nghe được là Khang nói gì chỉ biết mắt Khang đỏ hoe, nói không nhìn Khuê, như năng giận lắm thì phải.

Khuê chỉ lơ mơ hiểu thế rồi năng tháo chiếc n'ăn mà Thúc đã đeo ngày nọ. Suốt buổi sáng ngồi bên Khang với chiếc nhãn mất đi, Khuê chỉ còn mù mờ trong ý nghĩ của Khang — Rồi chị sẽ lấy chồng, ai cũng thế; Chị sẽ quên được anh Thúc theo thời gian và bốn phận. Bàn tay đó rồi sẽ có người lồng nhàn, mà lần này không có dấu điểm lên lút, mà nó phải được công khai trong đám cưới tung bừng với tiếng cười, ly tách.

Chị Khuê chiếc nhãn của anh Thúc không có lý do gì tồn tại, chỉ có em, chỉ có em, tình anh em không bao giờ phai dù là với kẻ ở lại chịu qua bao chuyện nào lòng. Khuê nhìn bàn tay cầm thảy gọn lỏn vào duyên. Khang băng quơ trong tay 2 chiếc khâu còn Khuê chỉ thấy mình thật không hiểu được mình, dà năng cố trấn tĩnh xem nỗi mất mát này có gì lạ.

Len lên, Khuê chỉ biết năng lên cao và năng đi xuống con dốc, trên lối đi không phải lối đi mà năng đã lên mộ. ▷

ĐÃ PHÁT HÀNH:

TUYỂN TẬP THƠ
VIỆT NAM, QUÊ HƯƠNG TA

— Tập hợp những bài thơ nổi tiếng của hơn 40 nhà thơ đương thời,

— Tuyển tập thơ đầu tiên viết về quê hương, chiến tranh, tuổi trẻ của những người vừa chiến đấu vừa sáng tác.

<https://tieulun.hopto.org>

DOẢN QUỐC SỸ

nguồn gốc các thể ngụ ngôn...

(Tiếp theo trang 5)

giải, toàn thể bài ngụ ngôn như tự sẵn có, không di dịch được một chữ nào:

Con trai mày há miệng ra,
Cái cò nó mổ, muốn tha thịt mày.
Cái cò mày mổ cái trai,
Cái trai quệp lại, muốn nhai thịt cò.

Mấy câu ca dao sau này Nguyễn Văn Ngọc cũng coi là một thể ngụ ngôn:

Cái bông đi chợ cầu Canh,
Cái tôm đi trước, củ hành đi sau.
Con cua lẹch thếch theo hầu,
Cái chày rọi xuống vớ đầu con cua.

Nguyễn Văn Ngọc đã giảng như sau: "Có phải đúng như một lũ chết dầm chỉ đua nhau làm đồ ăn cho người ta nẫu, người ta rang, người ta đập cho vụn đầu ra, mà cũng không biết gì vẫn còn rù nhau, đua nhau vào chỗ chết." (4)

Trên đây là nói đến loại ngụ ngôn ca dao cùng những ngụ ngôn đoàn thiên khác của Việt Nam nhà, đề cập đến loại trạng thiên tất nhiên chúng ta phải kể đến Truyện Trinh Thử, Truyện Trê Cóc và Lục Súc Tranh Công, lời văn thuần thực, tự nhiên, với những cách ngôn, thành ngữ quen thuộc hàng ngày của người bình dân.

NGỤ NGÔN TÂY PHƯƠNG

NGỤ NGÔN HY LẠP

Ở Tây Phương những truyện ngụ ngôn cổ nhất còn được truyền lại là những truyện ngụ ngôn Esope, người Hy Lạp, sinh vào khoảng thế kỷ thứ VII hay thứ VI trước Tây lịch. Ngụ ngôn Esope được truyền khẩu như vậy trong một thời gian khá lâu, rồi Phèdre, thi sĩ La Mã viết lại thành thơ vào khoảng thế kỷ đầu Tây lịch, rồi tới Babrius, nhà thơ Hy Lạp, viết lại thành thơ Hy Lạp vào thế kỷ thứ ba, sau cùng Planude, một vị thầy tu ở Constantinople, sưu tập và cho ấn hành tập "Ngụ ngôn Esope" vào khoảng đầu thế kỷ 14. Tập này về sau đã trở thành nguồn gốc chính cho nhiều tập ngụ ngôn khác của Âu Châu.

NGỤ NGÔN PHÁP

Từ thế kỷ 12 trở đi thể ngụ ngôn đã phồn thịnh tại Pháp với nữ sĩ Marie de France, rồi kế tiếp vào khoảng thế kỷ 12 — 14 xuất hiện "Sự tích con chồn xáo quyet" — Roman de Renard. — Truyện này được truyền tụng khắp Âu châu. Sang thế kỷ 16, văn ở Pháp xuất hiện thêm một số nhà viết ngụ ngôn nữa như Barthélemy Aneau, Gilles Corrozet, Guillaume Guérout, Guillaume Haudent, nhưng phải đợi đến thế kỷ thứ 17 nước Pháp mới sản xuất được một nhà thơ ngụ ngôn chói lọi nhất Âu châu là Jean de La Fontaine. Ông đã mang nghệ thuật thơ ngụ ngôn của Tây phương lên đến tuyệt đỉnh. Đó là

những bài ngụ ngôn Esope, những truyện cũ tự thời trung cổ được sáng tác lại hoặc những truyện do chính ông sáng tác. Sang thế kỷ 18 văn học Pháp còn ghi thêm những nhà ngụ ngôn này nữa: Claude Joseph Dorat, Alexis Piron, Jean Pierre Claris de Florian, nhưng không ai vượt được La Fontaine.

NGỤ NGÔN ĐỨC

Tại Đức vào thế kỷ 13 cũng đã có người viết ngụ ngôn, rồi chuyện con chồn xáo quyet cũng rất được phổ biến trong dân gian — Reinecke Fuchs — nhưng phải đợi đến thế kỷ 18 Đức mới có những nhà viết ngụ ngôn nổi tiếng như Christian Gellert, Gotthold Ephraim Lessing và Friedrich von Hagedorn (tất cả đều chịu ảnh hưởng đậm đà La Fontaine)

NGỤ NGÔN ANH

Tại Anh Quốc truyện ngụ ngôn nổi tiếng sớm nhất được truyền tụng là truyện "Lời kể của một nữ tu sĩ" trong tập Canterbury Tales — Truyện thành Canterbury — của nhà thơ thiên tài thời Trung Cổ Chaucer (? 1346—1400). Truyện The Charl and the Bird (Bác Nhà Quê và con Chim) của John Lydgate là một truyện ngụ ngôn điển hình cho thế kỷ 15. Hai tập ngụ ngôn của John Gay ấn hành vào tiền bán thế kỷ 18 được coi là thành tựu nhất của thể ngụ ngôn Anh quốc.

NGỤ NGÔN TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA ÂU CHÂU KHÁC

Ở Tây ban nha có Tomás de Iriarte y Oropesa tác giả tập ngụ ngôn Fábulas Literarias (1782).

Ở Nga, thế kỷ 19 có Ivan Andreevich Krylov; những tập ngụ ngôn dĩ dóm của ông đã lần lượt được ấn hành vào những năm 1809, 1811, 1816.

Tất nhiên chúng ta còn phải kể tới Hans Christian Andersen của Đan Mạch, phần lớn những truyện cổ tích thần tiên ông viết đều có ý hàm ngụ.

Tại Hoa Kỳ những nhà viết ngụ ngôn gần đây tạm kể có Ambrose Bierce (Fantastic Fables, 1899), John Erskine (Cinderella's Daughter, 1903), James Thurber (Fables for Our Times, 1940), William Saroyan (Fables, 1941). (5)

VẤN ĐỀ CHÍNH DANH

Trên đây danh từ ngụ ngôn dùng theo nghĩa thật bao quát! Tôi đây chúng ta tạm dừng lại để chính danh ngõ hầu xác định rõ một số danh từ. Chúng tôi đề nghị dùng danh từ Ngụ từ hay Ngụ ngữ cho ý nghĩa bao quát của Ngụ ngôn, tiếng anh là Allegory, tiếng Pháp là Allégorie. (6) Truyện ngụ từ bao giờ cũng dài, chứa đựng nhiều tình tiết phức tạp so với loại ngụ ngôn (mà cả Anh lẫn Pháp cũng gọi là Fable.) Muốn thật chính xác nên ghi chú thêm: dụ ngôn (A.Parable;

Ph. Parbole) cũng là bài ngụ ngôn ngắn nhưng dùng ngay những sự việc xảy ra (hoặc có thể xảy ra) trong đời sống hàng ngày làm biểu tượng, khiến người nghe hay người đọc liên tưởng đến điều đích thực tác giả muốn nói. Tỉ như "Truyện đưa con lẳng tử hồi hương" trong kinh thánh là một ngụ ngôn muốn chứng tỏ lòng độ lượng hải hà của Thượng Đế đối với thế nhân tội lỗi. Trái lại nội dung ngụ ngôn là những truyện hoàn toàn bịa đặt, không thể xảy ra trên cõi đời này, đó là những truyện súc vật hay bất động vật được nhân cách hóa.

Chúng ta đừng lầm với lối ẩn dụ (A. Metaphor, Ph. Métaphore) chỉ là một cách xử dụng từ hoa, một cách ví von bóng gió trong văn chương như câu ca dao của ta:

Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

Và cũng đừng lầm với lối biểu trưng (A. Symbol, Ph. Symbole) là cách dùng hình ảnh tượng trưng vừa ngắn gọn vừa rõ rệt mà không hề phải đặt thành câu ví von gì hết, tỉ như khi ta nói "đoàn thập tự quân" thì hình ảnh thập tự tự nó đã khiến chúng ta hiểu là thuộc về Cơ đốc giáo rồi.

TÁC DỤNG CỦA LOẠI NGỤ NGÔN

Chúng ta đã biết ngụ ngôn là câu chuyện ngắn dĩ dóm kể bằng văn xuôi hay văn vần cốt hàm ngụ một lời răn thực tế, hay chứng minh một chân lý phổ quát nào. Nhân vật trong những bài ngụ ngôn thường là các loại vật — đôi khi là bất động vật — được nhân cách hóa.

Tuy văn ngụ ngôn linh hoạt dĩ dóm, dễ hiểu, đọc lên hào hứng là thế (chính vì thế mà sáng tác văn thơ ngụ ngôn không phải là chuyện dễ) tuy ngay tự thuở các dân tộc hai bên Âu Á chưa đọc lẫn sách vở nhau, lối văn đó ở đâu cũng đã đầy đủ thể tài, vậy mà trong dư luận thực giả vẫn có người cho đó là lối văn vu khoát, không phải là lối bút pháp tin thực đáng đem vào nhà trường để dạy dỗ. Ở Đông Phương ngày xưa thì có bài "Chiến Cỏ" giễu ông Mạnh tử, trích ngay hai chuyện ngụ ngôn của ông mà đặt làm hai câu thơ rằng:

Thằng ăn mây sao có hai vợ?
Hàng xóm lấy đầu được lăm gà?
(Khất cái yền năng hữu nhị thê?
Lân nhân an đắc hửu đa kê?)

Ở Tây phương J.J. Rousseau trích ngay bài ngụ ngôn "Con Quạ và Con Cáo" của La Fontaine mà rằng "Cáo mà biết nói ư?... Quạ mà gọi bằng ông ư?... (Nguyễn Trọng Thuật, bài báo đã dẫn).

Thật ra dư luận trên quả là quá câu nệ. Cờ kim Đông, Tây lối văn ngụ ngôn đời nào cũng thịnh hành. Từ nhà lập thuyết, nhà du thuyết, nhà chính trị đến nhà tôn giáo thầy đều lấy thể ngụ ngôn để dễ bề khuyên răn hay chuyển chở đạo lý.

Ông Nguyễn Văn Ngọc viết về ngụ ngôn như sau:

... Lối văn ngụ ngôn không phải

là lối văn khinh thường, trò trẻ xươ nay nhiều nước; bất cứ ở phương Đông hay phương Tây, bất cứ về đời thái cổ hay trung cổ đều sản xuất ra biết bao nhiêu bài ngụ ngôn. Mà mỗi bài ngụ ngôn đã sản ra ấy là một khối văn có thể lưu truyền, một tấn kịch có thể biểu diễn cho cả mọi người cùng nghe cùng xem được.

Nên chi, con trẻ ở các trường mà đáng đem những bài ngụ ngôn làm bài học thuộc lòng được, thì người lớn đọc ngụ ngôn cũng không hẳn là mất thời giờ vô ích. Cái thể ngụ ngôn đã có hứng thú về mặt văn chương, mỹ thuật, cái thể ấy lại còn bổ ích về mặt luân thường đạo lý nữa. Ngụ ngôn đã chế bớt, cho đời được bao nhiêu tính dữ, ngụ ngôn tất khuyên khích cho đời được vô số điều hay". (7)

Vũ ngọc Phan hẳn cũng đã thông cảm cái hay và cũng là cái khó trong việc sáng tác thể ngụ ngôn hư đó mà thực đó, vật đó mà người đó, giản dị ngày ngộ đó mà linh hoạt dĩ dóm đó, nên ông có viết:

"Thơ ngụ ngôn là loại thơ rất khó, vì không phải chỉ có những ý hay là được, những vai trong bài thơ (người hay vật) cần phải lựa chọn rất kỹ để có những tính tình hợp với những ý mà tác giả muốn phổ diễn." (8)

Các tác giả Mỹ Edna Johnson, Evelyn R. Sickels, Frances Clarke Sayers trong cuốn Anthology of Children's Literature (Tuyển tập văn chương nhi đồng) cũng có ghi về thể ngụ ngôn đại ý như sau:

"Bài ngụ ngôn như một vở kịch ngắn, các súc vật là vai chính, tia chân lý loé sáng, tất cả những thứ đó có sức hấp dẫn kỳ diệu sự chú ý của các em, và những bài ngụ ngôn như vậy nào có khác gì những viên sỏi xinh lấp lánh mà ta lượm được trên bãi biển rồi cất vào túi như một kho lưu trữ những kinh nghiệm đã qua để khi cần đến là có thể đem ra đối chiếu tức thì." (9)

Và ý kiến trên đây cũng là ý kiến chúng tôi dùng để làm lời kết luận bài này. Ngoài ra chúng ta còn không quên ở Đông cũng như ở Tây xưa thể ngụ ngôn còn dùng trong việc càn gián người trên. Trong trường hợp này kẻ nói không lo bị tội mà kẻ nghe có thể lấy đấy làm răn. (Ngôn chi giả vô tội, Văn chi giả tác dĩ giới.)

D.Q.S.

4. Số tr. 98-99

5. Funk & Wagnalls Standard Reference Encyclopedia (1964), IX, 3372-73

6. Giáo sư Đỗ Khánh Hoan trong cuốn Lịch Sử Văn Học Anh Quốc mới xuất bản của ông, cũng đã dùng những danh từ này khi nói đến tác phẩm của Chaucer và The Fairie Queene của Edmund Spenser (Xin đọc: Đỗ Khánh Hoan, Lịch Sử Văn Học Anh Quốc, Sáng Tạo Saigon 1969, I, Passim).

7. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, "Ngụ Ngôn", Từ Dân Văn Uyên No 6, 1er Oct. 1935.

8. Vũ Ngọc Phan, Những Nhà Văn Hiện Đại (Vĩnh Thịnh, Hà nội, 1951), I, 156.

9. Edna Johnson, Evelyn R. Sickels, Frances Clarke Sayers, Anthology of Children's Literature (Houghton Mifflin Co, Boston, 1959), p. 113.

ĐÀO - THOÁT

KỶ 11

mme la vie est lente
comme l'espérance est violente

G. Apollinaire

TRUYỆN DÀI CỦA

thanh phạm tuyền

đội lệnh mới. Trong cả đại đội chỉ một mình Quốc hoạt động. Mỗi đầu giờ, hẳn mở máy truyền tin miệng gọi liên thoắng, ngồi giữa những gương mặt nghiêm ngắc nghiêm trọng. Bốn giờ chiều, lệnh tiểu đoàn bắt được cho phép đại đội đóng quân ngay tại chỗ. Tin truyền xuống gây chộn rộn đôi ba phút, sau đó tạo khoảng trống lười nhác dằng dặc như ánh nắng còn chấp chới quá đầy trước mặt. Người ta không biết làm gì, ngày ngày, thụ động như buổi chiều cứ bị đẩy tới chấp chừng nín kéo không nổi dứt, giữa nơi khuất tịch như một cõi hoàn toàn tách lìa, lênh đênh với một bầu trời không rời đôi.

Xong công tác đào hố phòng ngự, Phùng trao cuộc cho Sinh bước ra khỏi bờ rào, đứng trên con đường đất giữa hai hàng đậu thẳng tít khít như hai bức vách đến cuối mắt. Đồng không trông thấy, rừng cũng không trông thấy. Chỉ thấy những bóng rợp loang lổ trên một vùng đất bần bật không hơi người. Con đường này chưa hề ai vẽ trên bản đồ và trong ít lâu nữa sẽ tuyệt dấu. Phùng nhìn cây mít lớn vườn bên, lá trở mọc rậm rạp man rợ như sửa soạn lấy cái chết sắp tới giữa sự xâm lấn của cây cảnh dữ dằn gấp bội và đột nhiên Phùng nghe hơi thở của mình như lẫn trong hơi nóng nực của đất cát và thảo mộc lạ hoắc. Trong trí tưởng, trên thân thể của Phùng, một phút chốc, như đắm như những mầm quý giá của thiên nhiên bất trị. Con giận sôi hoảng hốt chồm bật chân giữa buổi chiều Phùng biết mình sẽ nhìn thấy ánh phản chiếu trong nhiều ngày tới...

Lúc Phùng quay vào, Sinh đang ngồi cạnh hố đã nguy trọng kẻ giấy lên dùi viết. Phùng ghé xuống bên, tìm một chút thân mật, hỏi: Viết thư hay làm thơ? Sinh ngượng, mặt mũi đỏ rần, ngược khuôn mặt vẫn còn thư sinh trắng trẻo, cười không đáp. Nó cùng lứa tuổi với Nghĩa, với Tú... Gia đình Sinh khá giả thừa sức cho nó học hành đến nơi đến chốn nhưng nó đã tình nguyện vào Thủ Đức như Tú, sau một năm bỏ nhà đi hoang.

Nó có thể vào Đà Lạt, không hiểu sao nó đã không làm thế. Phùng đã hỏi nguyên do và Sinh chỉ đáp: Đà Lạt lạnh quá, em không chịu Đà Lạt... Phùng lại đứng dậy bảo: Thôi viết đi, bỏ đi quanh vườn nghe những câu chuyện tâm xàm quen tai. Xe chở cơm tới, Tú gửi Nhân mang ra cho Phùng một bi đông cà phê và hai phong bánh đậu. Nhân bảo: nó làm bộ, về năm một lúc là lò mò đi uống la de ngay... nó lơ phon ở nhà chẳng thấy gì là đau ốm cả, lúc này nó định nhảy theo xe ra đây chơi đây chứ...

Buổi tối đến chậm nhưng đầy đặc rất mau. Đám người như bị nhốt giữa một lũng cây bít bùng. Khoảng nền nhà đông chen chúc, ánh đèn bập bùng thoáng lập loè, những tiếng bước lịch kịch, trở nên xa xôi hơn. Phùng ngồi uống cà phê với Thọ, Sinh và Phú, ngừng nhìn đám sao rải rác trong khi Thọ bày tỏ sự hân học đối với những

tên may mắn hoặc khôn ngoan hoặc hèn nhát chưa bị cuốn vào vòng. Thọ hỏi: Liệu đến năm nào thì mình thoát? Phùng đáp không biết, không nên nghĩ tới. Thọ ao ước được thấy tất cả những đứa quen biết đều bị như mình, ăn đồng chia đủ mà, không thể để chúng ở ngoài và chúng phờ phạc cười mình là ngu... Phùng nhớ đến Hiền, tự hỏi không hiểu năng có quyết liệt dứt khoát như trong thư viết. Hiền đã đến lúc mình tuyệt vọng và sẽ bỏ đi khi mình chưa hết cơn tuyệt vọng. Con tuyệt vọng kéo dài như cơn mê muội tự vui của Phùng.

Đột nhiên, Sinh vẫn làm thỉnh từ lâu, lên tiếng:

— Anh Phùng. Anh đọc lại cho tụi này nghe một bài thơ... Tú nó bảo anh đọc thơ hay lắm.

— Đọc thơ... đọc thơ hà? Buồn bỏ mẹ.

— Buồn một chút cho « dui »

Cái âm « dui » Sinh cố nhái theo giọng Bắc bắt chước giọng Nam rồi cười. Ít khi Phùng gặp Sinh đùa cợt cợt như thế, nó khép kín lặng lẽ hơn Tú nhiều, nên không nổi từ chối. Và Phùng đọc một bài thơ, lúc ở tuổi Sinh và Tú, Phùng đã mất công chép học thuộc lòng:

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thấm không vàng vọt
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người ta chỉ đưa người ấy
Một già già đình, một rừng rừng...
Ly khách! Ly khách! con đường nhỏ
Chỉ lớn chưa về, bàn tay không,



Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm mẹ già cũng đừng mong...
Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ, sen nở nốt,
Một chị, hai chị, cũng như sen
Khuyên nốt em trai giòng lệ sót...
Ta biết người buồn sớm hôm nay,
Giờ chưa mùa thu, tươi lắm thay.
Em nhớ ngày thơ đôi mắt biếc,
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
... Người đi, ừ nhỉ, người đi thực,
Mẹ thì coi như chiếc lá bay...
Chị thì coi như là hạt bụi...
Em thì coi như hơi rợn say... (Δ)

(Còn tiếp)

Δ Thơ Thanh Tâm

Ánh trăng chiếu tỏ mặt đất ngoài lều như một tấm gương quay kỳ lạ cho Phùng thấy mình nằm xuống dưới trên mặt đất dốc như đang trôi bên cạnh mây đồng bạn ngủ lún lóc mê mết. Hơi thuốc nặng quánh trong miệng dưới xa giấc ngủ không đáp được xuống mặt, bay lượn luẩn quẩn trên khoảng không hẹp cùng những hơi gió lượn ướt và những tiếng động vẩn vơ, trong khi toàn thân đã rũ liệt chìm lặn bất giác. Phùng nhắm mắt hồi lâu và lại thấy mình mở mắt lúc nào không hay, đôi mắt như hai tròng lạnh dờ dẩn soi ngược vào một cảnh tượng hỗn độn mù mờ, những ý nghĩ xô đẩy tuôn chảy hoặc cứng nhắc tro tro tẻ gắt. Lúc sắp thiếp, ánh trăng hình như rục rịch phủ trên mặt Phùng, lớp sáng mạ của đêm bám trên da lờn nhờn như lọt vào trong khung đầu bật sáng mọi góc ngách buồn bã hủi quạnh. Phùng cố sức lặn úp mặt vào đồng hồ đặc bên mép lều, nghe mình kêu ừ ở trong cơn mê hoàng ngân ngời trôi qua như cơn gió buốt.

6

Ngày thứ hai của cuộc hành quân cuối khóa, đại đội vượt qua lỵ. Con lộ này, cũng như con lộ cắt thẳng góc với nó nơi đã nghỉ buổi trưa hôm trước, không có trên bản đồ, như hai trục lớn cắt xẻ một khoảng rừng Cò My bát ngát xanh um.

Buổi sáng, Phùng nghe văng xa tiếng còi tàu rúc và Phùng đã tìm cách ghé nhìn vào tấm bản đồ hành quân của viên chuẩn úy cán bộ, nhận thấy mình đứng trong khu vực đánh vòng của con đường rầy Saigon — Biên Hòa rẽ vào Di An và từ Di An ngược xéo lên Thủ Dầu Một. Trên cánh đồng lạng trong buổi mai, Phùng phóng xa tầm mắt tìm kiếm và bắt gặp mái ngói và hàng tường thấp cũ của nhà ga Di An về mạn Đông Bắc trên một đoạn xam nhạt của đường viên chân trời. Buổi sáng không có cà phê uống, điều thuốc hút nồng khét, da khô héo như cạn nước, trời nắng màu sữa loãng, tiếng còi nghe li ti như những nỗi hờn hờ kỳ cục bắt Phùng rớn nháy cho đến Hiền phải cau có cũng vẫn chưa chịu thôi. Phùng bước về phía bên kia gò, trường chừng xích tới gần hơn với cái nhà ga heo lánh giữa vùng hoang vu không hiểu sao lại nổi hiệu còi vào sáng sớm. Cái

âm thanh hủ hắt nổi trùm trên cánh đồng trống trải như dấu hiệu của sự thái bình, làm tan ánh trắng ngút sáng quanh quẩn trong đầu, con trăng lúc ấy đang hoen nhạt, dập tắt quang cảnh hỗn độn lồi đã đẩy của đám người lạc lõng trên một khoảnh gò trần trụi. Phùng mơ hồ nghe cả tiếng xinh xịch của đầu máy vòng theo chân trời, hơi khói phi dưới bánh và phụt lên không trung, tay sắt truyền lên xuống tới lui quay động những chiếc bánh sắt đặc lên trên đường rầy trơn bóng nghiêng nát những bụi cỏ dại lơ go.

Khi leo lên bờ đồng dốc, bắt đầu đi quanh co giữa những bụi cây thưa cao ngang tầm mắt, Phùng còn ngoài trông mái ngói nâu đang lẩn thấp của nhà ga như cố ghi nhớ một chốn đã ghé qua mong dịp trở lại thăm. Phùng tưởng tượng thấy một bóng người chạy miết, nhấp nhô như một chấm đen trên cánh đồng xa tít về phía ga dưới theo con tàu lúp sau cánh rừng thăm và Phùng hết muốn đi nữa...

Suốt buổi sáng, đại đội chỉ đi chuyển từng quãng ngắn quanh quần trong mấy xóm nhà ven rừng. Xóm nhà này cũng đã bị rơi vào áp chiến lược, để lại những nền nhà, những bờ rào quanh các vườn cây còn xum xuê, những con đường sạch sẽ kín đáo giống ở một vùng trù mật... Cuộc di chuyển đã gần như mất hẳn ý nghĩa cuộc hành quân ghé góm trong những ngày sửa soạn, chỉ còn như một cuộc du ngoạn bắt buộc.

Buổi trưa đại đội đóng tại một ngôi nhà lớn nhất xóm với vườn rộng bờ đầu khít vây quanh. Những dấu vết trên cái nền sột lồi cho thấy ngôi nhà xây theo lối cổ: một cái hàng hiên chạy suốt mặt tiền và một mặt hông phải trên đó còn bỏ hai ba chiếc đòn sứt bề mầu xanh, phía trước không có tường ngăn chia chỉ có đầu những chân cột đối xứng, sau cái phòng chính mới thấy chia phòng ở hai bên. Ngoài vườn đất chỗ những gốc cây đã bị đào bặt, những lối mòn có bắt đầu lan mọc, những luống hoa trồng trong khoảnh sân trước nhà sơ sác chỉ còn những cọng cây khô gục ngã phờ phờ từng từng cục đất khô lờ bầm quanh rế. Xe tiếp tế lương thực, chạy lòng vòng tìm chỗ đóng quân, tới trễ, mảnh vườn sau trồng mấy hướng bắp bị sục sạo đào sới, những trái bắp non héo bị hái trụi lụi. Nhiều người túa đi xa hơn chui sang các vườn bên, kiếm món dân con dôi ngẫu.

Đại đội ở lại đó hết buổi trưa

tổng động viên

(Tiếp theo trang 3)

Ranh giới giữa phía văn chương và phía phi văn chương trong toàn bộ tác phẩm của một nhà văn, như thế, cái ranh giới ấy nó cũng có giá trị tương trưng như thể vì tuyến 17: từ lâu nó đã chứng tỏ không ngăn cản được sự xâm nhập.

MAI Thảo cách đây hai năm đã viết: "Hiện tượng của truyện dài viết từng đoạn, đăng từng kỳ nơi trang trong các nhật báo, (...) đây hầu hết những cây bút sáng tác chuyên nghiệp hiện nay tới kiểm tìm một văn thể mới, áp dụng một bút pháp mới." (2).

Dụng tâm kiểm tìm kỹ thuật ở những người sáng tác đôi khi nguy hiểm. Trong một truyện ngụ ngôn nọ, Cóc muốn ăn Rít, Rít chạy nhanh. Cóc không bắt được. Cóc hỏi: Anh Rít, anh chạy nhanh thế, mỗi khi chạy anh cứ động chân nào trước chân nào sau? Rít quá nhiều chân, vẫn xử dụng mà không quan tâm phân tích động tác của chân. Bị hỏi, Rít suy nghĩ, vì thế chạy vụng về chậm chạp. Cóc vỗ được.

Rít có chân rít chạy, không nên quá bận tâm về vấn đề chân trước chân sau, Lê Xuyên đưa đàm thoại vào truyện, đó cũng không chắc là do công phu kiểm tìm. Một tác giả khi đã kiểm tìm ra một

văn thể, bút pháp, đã nắm vững nó, lại có thể bắt đầu mất khách.

Bút pháp là biểu lộ tự nhiên của cá tính. Nó liên hệ sâu xa đến tính tình, đến sự sinh hoạt, đến kiến trúc sinh lý v.v... của mỗi nhà văn. Nhà Văn, với bấy nhiêu yếu tố, trước những điều kiện sáng tác đặc biệt cho nhật trình, trước những nhu cầu đặc biệt của độc giả nhật trình, đã có phản ứng thích hợp, đạt đến một bút pháp thích hợp.

Và một bút pháp đã thành hình không dễ nhất đán vất bỏ. Không thể hề thôi viết truyện nhật trình thì xoa tay một cái là xong, là phải sạch đầu vết bút pháp nhật trình. Anh kếp hát quen đóng trò còn đem một ít điệu bộ sân khấu vào cuộc đời, anh thâu ngân viên quen đếm bạc còn đem cái cần thận vào chuyện đi đứng, ăn mặc, yêu đương v.v.; hưởng hờ người nghệ sĩ đối với một bút pháp đã trở thành quen thuộc. Mallarmé, Valéry, Apollinaire v.v., nếu họ có viết truyện đăng nhật báo, chắc chắn thơ của họ làm ra cũng đã khác đi ít nhiều.

Như vậy, ở mỗi tác giả, bút pháp truyện nhật trình sẽ ảnh hưởng đến cái bút pháp trong những truyện không đăng nhật trình. Và ở giai đoạn văn học này, kỹ thuật tiểu thuyết nhật trình sẽ có phần ảnh hưởng của nó đối với kỹ thuật tiểu thuyết nói chung. Nó đưa cái xô bồ của cuộc sống vào nghệ phẩm, nó thổi sạch mọi nét cầu kỳ khúc mắc của những năm 1956-1962.

(2) *Tựa Chú Tư Cầu của Lê Xuyên.*



NGUYỄN BƯỚI

THƯƠNG-GIA

11, Quang-Trung ĐÀ-NẰNG

ĐT 2.312

DƯƠNG SANH PHÁT

DƯƠNG-VẬN

65, Phan-bội-Châu NHA-TRANG

ĐT 2.328

DƯƠNG SANH THÀNH

HIỆU THUỐC BẮC

20, Trần-quý-Cáp

NHA-TRANG—THÀNH

TRƯỜNG SƠN

TRÀ THẮT

64, Hoàng-tá Cảnh

NHA-TRANG

HOTEL

HẠNH PHÚC

18, Duy-Tân

NHA-TRANG

CHUYÊN VẬN CÔNG TY

HẢI SANH

CHUYÊN VẬN HÀNG HÓA SAIGON—ĐÀ-NẰNG—HUẾ

198, Đại-Lộ Hồng-Bàng CHỢ-LỚN — ĐT 36.780

100, Bến Bạch-Đằng ĐÀ-NẰNG

31, Đường-Chi-Lăng HUẾ

ÍCH PHÁT

CHUYÊN BUÔN BÁN TẠP HÓA

Đường Trần-quý-Cáp

NHA-TRANG—THÀNH

MẬU PHÁT

CHUYÊN BUÔN BÁN TẠP HÓA

12, Phan-bội-Châu

NHA-TRANG—THÀNH

NHÀ SÁCH

TÂN DÂN

46, Độc-Lập

NHA-TRANG

LÊ VĂN ĐỒ

THẦU CUNG CẤP

VÀ CHUYÊN VẬN HÀNG HÓA THỦY BỘ

81, Võ-Tánh

QUI-NHƠN

TU sau một cánh gà người ta nhìn thấy hết. Nhìn thấy hết cái toàn thể lạ lùng của hai thế giới đối diện. Hy vọng mênh mông phía dưới. Những hàng ghế da ban ngày ngủ kỹ, bây giờ những lớp vải phủ trắng toát trên chúng đã được nhấc đi, bởi vì đèn đã sáng, màn đã mở và kịch đã bắt đầu. Trong những bộ dạ phục lông lầy, giữa bầu không khí trang trọng thời thượng, trên những đường đi của song loan và kim cương, cả một thành phố đã tới đây. Sân khấu là cuộc đời. Người ta tới, nhìn dáng dấp trên sân khấu từng màn từng lớp hiện hình, và người ta đã tới, một biển vai giữa một rừng mái tóc. Tất cả đều có mặt. Từ những sự thật, đến những ảo tưởng. Cho ra một xã hội. Tất cả đều ở đây. Từ những bề mặt đến những bề trái. Cho thành một thế giới.

Bên ngoài, đêm đã xuống. Những con đường vắng lặng. Những kẻ đã mù sương. Hi vọng đêm nay là một khối nam châm khổng lồ thu hút, công viên chỉ còn là tượng đài, hề đường chỉ còn những bóng lả, lưới sắt đã buông trên những cửa hàng, cửa sắt đã đóng trước những biệt thự, tất cả thành phố đã tới đây, mang đời sống và trái tim mình đo lường với những nhịp đập trên kia của một tiền trường vừa mở rộng. Thở dài người đi. Thở bay những tầng cao. Nhạc đón người vào. Nhạc mở vào những chiều sâu. Với nhạc và thơ anh bỗng tới đỉnh, anh chìm tới đáy. Nhưng sân khấu mới chính là cuộc đời này vừa mở rộng thênh, vừa thu nhỏ lại, nó là một tấm gương, anh đang tự ngắm mình. Tiền trường bởi vậy mà mang hình một cây thánh giá, người xem kịch nào rồi cũng có cái cảm tưởng thấy mình đóng đinh ở đó. Trước mặt, chói chang và trần trụi, giấy giụa lên bởi trên cây đinh định mệnh.

SÂN KHẤU giấy ta là cuộc đời anh thấy đó, với những sự thật anh phải gặp, không tránh thoát được, ở mỗi ngã tư, ở mỗi cuối đường. Sân khấu giấy anh là định mệnh người cuối cùng là một định mệnh chung, cái định mệnh bị giam nhốt chặt cứng giữa những giới hạn siêu hình, và sau sự thật kia như một hậu cảnh vô hình, tất cả chỉ còn là bịa đặt. Tôi đi đến cái kết luận này. Tất cả chỉ là những xấu chuỗi, những hình thái trầm đầu của một ảo tưởng muôn mặt. Kẻ đeo mặt nạ nhân vật đang diễn trò trên kia, đang làm cái việc tháo gỡ đi những mặt nạ nguy trang đời. Người khán giả ngồi xem ở dưới, khi bên trên từng sự thật rớt xuống lại đồng thời một mặt nạ đeo lên. Như người đàn bà trang điểm vì đời đã làm ra ở những căn phòng kia những tấm gương soi, và bởi vì cho che dấu những nếp nhăn nên son phấn mới cần, sân khấu chói chang những sự thật trần trụi, vẫn là

một chợ hoa, bán mãi cho người những ảo tưởng cũng cần như sự thật.

MỘT đêm kia, tôi đã đến một sân khấu. Làm kẻ ngồi dưới. Xem trọn một vở kịch. Đèn riêm tắt. Màn nhung buông. Vở kịch hết, tôi ra khỏi hý viện một mình. Trên đầu tôi, trời đêm thăm thẳm. Gió thổi dọc những hàng hiên bóng tối. Cái bóng tôi, nâu ảnh hình một vở kịch riêng, đồ dài trên đường khuya. Đã xa hẳn một tiền trường khép mắt. Người ta đã hạ xuống cây thánh giá. Nhưng vang ngân lên chim của vở kịch còn như một hình bóng không cùng đuổi mãi theo tôi. Nghe tiếng chân mình từ mặt nhựa dội lên, thờ những phiến không khí ngọc thạch của ban đêm vào đầy lồng ngực, tôi nhìn lên những chòm sao, thấy trở lại trong tôi một trạng thái khoan thai tĩnh tại dần dần. Những nhân vật của vở kịch không nhìn thấy nữa. Sân khấu là đời. Đời lại đầu đó. Sao im trong đêm. Trời lặng trong thân. Bước đi dưới những tàng cây, suy nghĩ về một vị trí phải có của người trên sân khấu đời rộng lớn, tôi bỗng thấy tất cả nhòa biến. Nhòa đi, người đạo diễn đạo mạo. Nhòa đi những vai phụ, những vai chính. Nhòa đi diễn viên trên kia, khán giả dưới này. Và thay thế cho sự bằng hoại giấy chuyễn của bấy nhiêu khuôn mặt là bấy nhiêu ảo tưởng, là một nhân vật ở ngoài vở kịch hiện hình. Nhân vật ấy, trong hý viện, tôi không một giây nhìn thấy. Nhân vật ấy sau phút kéo màn mới trong suốt hiện ra. Y ở đó, trong cái thế giới khốc liệt của kịch. Nhưng y không giữ một vai trò nhất định nào. Y có mặt, ở đó, trong hý viện, làm một cá nhân giữ một rừng người. Nhưng không phải là diễn viên, chẳng là khán giả. Giữa những lớp phong cảnh, y đi vào ánh sáng, còn ra ngoài bóng tối. Đã tiền trường còn rất hậu trường. Không mặt nạ, không vai trò, nhưng bề trái của đời và bề mặt của kịch cùng đeo, y là một hành tinh bay trên một quỹ đạo trung gian, làm cái gạch nối hàm hồ cho trời và đất. Y nhập vào kịch, mà ở ngoài kịch. Không là cái số thêm, không là con số bớt, y là cái số thừa cần thiết. Không nguy trang, nhưng trên một ý nghĩa nào, cũng là y mang tất cả những phần son, trái hết những đoạn trường.

Tôi muốn nói đến kẻ đứng dưới nấp hăm sân khấu kia, cái nhân vật ngoài lề khuất lấp vô danh mà trở thành trọng điểm. Tôi muốn nói đến kẻ nhắc tường không có không xong của bất cứ một vở kịch nào. Kẻ nhắc tường như một số thừa. Thừa nhưng cần thiết lắm.

NGƯỜI đời không hiểu vẫn nghĩ nghề sỹ là loài chim biển kia mở ngực đau thương lấy hết máu hồng, nuôi đời khôn lớn. Không phải thế. Máu đời đã sản những giòng đầy ắp trong da

thịt và hình hài đời tự nó nở hoa. Văn chương! Nó không đến với cuộc đời như loài chim biển. Tôi không có chết cho anh được sống. Chỉ là ảo tưởng quá độ về vai trò, vị trí và lẽ phải về hữu minh, những kẻ viết ra chữ hát ra thơ, mình là con tầm nhá tờ vàng dệt đời thành lụa ve sâu góp tiếng kêu cho nóng những mùa hè lái khờ tặng hết những kim cương châu báu đầy cho thật hết không đời nhận lại. Có những sách có trời trong sách. Có những bài thơ biến trong văn. Có. Nhưng nghệ thuật vẫn là chỉ nói ra, bằng một cách nào, những điều đã có. Làm nghệ thuật không đóng một vai trò nhất nào. Cho anh. Cho nó. Y không tạo nên những mình, dựng được những mùa xuân. Nghề sỹ là kẻ nhắc tường tối tăm bình thường đứng cửa hăm sân khấu đó anh biết thế không? (Anh diễn kịch. Không phải nó. Nó không đóng anh, đầu nửa vai trò, đầu một vĩ thanh, đầu nó. Kề lăm ra nữa? Cánh tay phủ thủy. K phải. Tờ vàng của tầm, máu của chim biển? K phải. Những thuốc nổ cho nổ tung đời? Những lời ru cho anh hết ưu phiền? Không. Khóc hộ cho anh bằng những giọt lệ? Vui hộ ch bằng những tiếng cười. Cũng không. Cuộc tự thân đã có nghệ thuật. Vở kịch đã chính anh đạo diễn, vừa đóng mình, vì xem mình. Sân khấu là cuộc đời. Cuộc đời sân khấu. Tự nghìn năm, những ảo tưởng vẫn chung cùng sự thật. Phút nào cũng là kịch. người vai trò mình. Trên cao thuở ấy đã sao, thấp ngày nào đã có. Tất cả đã có, đã xong người nghệ sỹ tuyệt nhiên không phải là c thêm số bớt, không phải con tầm, không phải lái. Y chỉ là cái số thừa cần thiết ấy. Y chỉ nhắc tường. Màn nhung anh đã mở. Người c đã tới. Đóng vai trò anh đi. Hãy tự mình lấy. Có điều này là anh, trên sân khấu, rất đêm, đã lãng quên những điều phần anh phải. Đứng trí lớn, anh quên sạch vở kịch. Đứng tư cũng quên nhớ một vài câu. Và nghệ thuật đứng dưới cửa hăm sân khấu kia, làm kẻ nhắc cho anh đóng kịch. Nhắc. Chỉ nhắc mà thôi. bản đã có. Chỉ nhắc anh nhớ. Nhắc. Chỉ nhắc thôi. Nhắc giúp vai này. Nhắc dùm vai nọ. đừng quên cái sống cái chết. Nhắc hãy nhớ n biển những trời, những vực thẳm và những núi. Đêm kịch nào anh nhớ được trọn vẹn từng câu từng chữ, từng dáng điệu và từng lúc đi ra, như lúc đi vào, đêm đó kẻ nhắc là nghệ thuật sẽ không cần thiết nữa. Và b người đời và nhân loại thường quên, cho n nhắc tường còn lý do có mặt ở một cửa hăm sân khấu kia. Làm cái việc nhắc tường cho cuộc không thuộc vở.



GIỮA
tòa soạn
VÀ
bạn đọc

Anh TRẦN PHONG (Đà Nẵng).— Truyện trước của anh đã đăng, hẳn anh thấy rồi. Đã nhận được truyện sau. Đơn nhé. Về cái bút hiệu, đồng ý với anh, nếu anh muốn giữ.

Anh LÊ VĂN NGÂN (QN).— Cảm ơn những ý nghĩ trong lá thư. Tôi nhớ, hồi ở NT, không có dịp đăng thơ anh, do anh Tôn Thất Lập chuyển lại. Kỳ này dịp đó sẽ đến. Đọc xong rồi. Thân.

Anh LAN SƠN ĐÀI (Long Khánh).— Đây là câu trả lời thư ngày 12-7 của

anh. Cho tới giờ dường như tòa soạn chưa nhận được truyện ngắn anh nói. Tuy nhiên tôi còn một xấp bài đọc chưa xong, có thể có cái truyện đó. Lâu lâu anh có thể kể chuyện Chiến đoàn cho anh em nghe. Đã chuyển lời anh tới các anh Tô Kiều Ngân, Tô Thùy Yên. Mấy bài sau đã nhận được.

Anh ĐOÀN HUY GIAO (ĐN).— Cảm ơn lá thư. Khởi hành luôn luôn đi lại từ đầu, ở bất cứ lúc nào. Đọc thư đọc giả vui lắm. Thư anh cũng là một niềm vui.

Anh TRƯƠNG NGỌC TRỖNH. — Sẽ đăng cái tin về tập thơ của anh. Tòa soạn bận việc lắm, mong anh đừng nóng ruột. Cũng đồng ý với anh về những bài của nhà thơ Cung Trầm Tưởng.

Anh NG. TỊNH ĐÔNG (QN).— Sẽ đăng. Thơ anh độ này khác trước nhiều đấy. Nếu in bla, phải thu nhỏ tờ báo lại, là điều Tòa soạn chưa nghĩ đến.

Anh BUI CÙNG. — Rất cảm kích khi đọc thư anh. Những ý kiến của anh rất quý báu. Cảm ơn cảm tình của anh đối với tờ báo. Vâng anh nhận xét đúng: Tuy KH là tờ báo do anh em trong QĐ làm, nhưng QĐ không phải chỉ là súng ống và quân nhân, không phải chỉ biết nói đến chiến tranh. Văn nghệ QĐ cũng không chỉ là thứ Văn nghệ cổ động, tuyên truyền. Đãi Phát Thanh làm công tác đó hữu hiệu hơn. Vả lại, văn nghệ

gì thì trước hết phải được gọi là văn cái đã. Phải xứng đáng với chữ Á. Anh nên viết thẳng cho người trách. "Sẽ nghiên cứu một cuộc một giải văn nghệ — Ý kiến anh là ý kiến tòa soạn.

NHẮN TIN

Anh TRẦN LỮ VŨ. — Anh viết cho KH. Rảnh mời đến soạn chơi.

Có NHƯ KHUÊ (Huế). — nhận được cả 2 lá thư của cô, nhiên không có số tiền cô nói. K có chỗ, sẽ trả lời những ý kiến cô. Cảm ơn.

KHOI HANH số 14 ra ngày **Thứ Năm 31-7-**